



BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
Địa chỉ: Tổ 27, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: 0243.882.1651/ (84)-4.38820141 Email:
Fax: (84)-4.38820306 Website: <http://www.httc.edu.vn/>

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2022

Hà Nội, tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	2
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG	1
CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2
2. Thông tin khái quát về Khoa/ Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo:.....	2
3. Thông tin về Chương trình đào tạo:	4
3.1 Mục tiêu chung	4
3.2 Mục tiêu cụ thể:	4
3.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:	6
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
1. Tổng quan chung	10
1.1 Căn cứ tự đánh giá	10
1.2 Mục đích tự đánh giá	10
1.3 Yêu cầu tự đánh giá	11
1.4 Phương pháp tự đánh giá	11
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá.....	11
2. Tự đánh giá	12
2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá ¹	12
2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	19
2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	19
2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	25
2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	33
2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	39
2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	48
2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	54
2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	59

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	65
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	66
PHỤ LỤC	67
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	67
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	70
3. Bảng mã minh chứng.....	76

NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1.	LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
3.	CĐNKTCN	Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ
4.	CLCSGDNN	Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
5.	CLCTĐT	Chất lượng chương trình đào tạo
6.	CĐ	Cao đẳng
7.	TC	Trung cấp
8.	MC	Minh chứng
9.	HSSV	Học sinh, sinh viên
10.	KTV	Kỹ thuật viên
11.	NV	Nhân viên
12.	BB	Biên bản
13.	KTCN	Kỹ thuật Công nghệ
14.	KHCB	Khoa học cơ bản
15.	CCXS	Chứng chỉ xuất sắc
16.	ĐTCN	Điện tử Công nghiệp
17.	ĐTĐL	Điện tử điện lạnh
18.	KTML&ĐHKK	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí
19.	CTĐT	Chương trình đào tạo
20.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

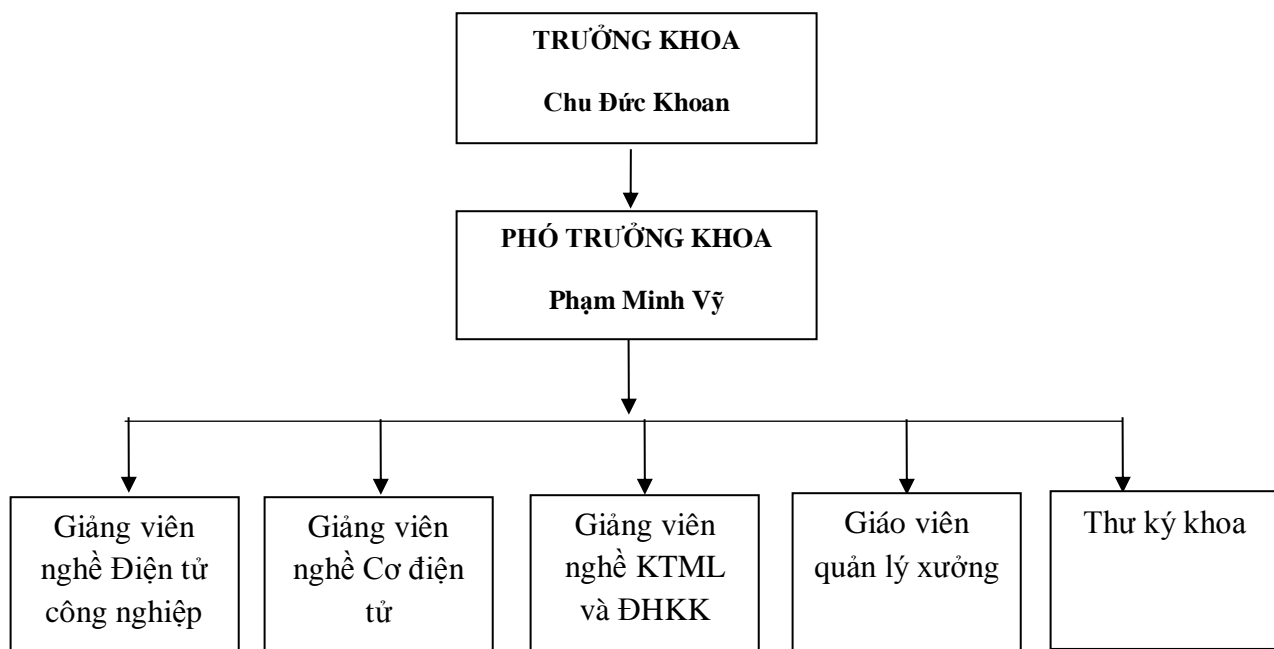
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tên trường: Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ
Tên Tiếng Anh: Technique Technology College
Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Địa chỉ trường:
Trụ sở chính: Tổ 27, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
Số điện thoại: 0243. 9687241
Số fax: 0243. 8820306
Email: truongcdkythuatcongnghe@gmail.com
Website: www.httc.edu.vn
Năm thành lập trường:
- Năm thành lập đầu tiên: 2000
- Năm nâng cấp trường thành Trường Cao đẳng nghề: 2006
Loại hình trường: Công lập ; Tư thực

2. Thông tin khái quát về Khoa/ Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo:

- Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị.



- Cơ sở vật chất (Khái quát nhất)

Tổng số có 08 xưởng, 01 văn phòng khoa.

STT	Tên Phòng học/ Thực hành	Chức năng
1	Xưởng 301	Phục vụ giảng dạy theo tiêu chuẩn Úc
2	Xưởng 302	Phục vụ giảng dạy theo tiêu chuẩn Úc
3	Xưởng 303	Phục vụ giảng dạy theo tiêu chuẩn Úc
4	Xưởng 304	Phục vụ giảng dạy, thực tập, sản xuất
5	Xưởng 402	Phục vụ giảng dạy, thực tập, sản xuất
6	Xưởng 403	Phục vụ giảng dạy, thực tập, sản xuất
7	Xưởng 404	Phục vụ giảng dạy, thực tập, sản xuất
8	Xưởng 104	Phục vụ giảng dạy, thực tập, sản xuất

- Thành tích nổi bật của đơn vị:

Khoa Điện tử - Điện lạnh thực hiện các nhiệm vụ trong công tác giảng dạy đào tạo các ngành Điện tử Công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí và các hoạt động chuyên môn theo kế hoạch Đào tạo của nhà trường, các thầy cô trong Khoa không ngừng nỗ lực học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ...

Năm bắt đầu tiến hành tuyển sinh và đào tạo: Năm 2000.

Khoa đã đào tạo hơn 3.300 học sinh sinh viên nghề Điện tử Công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí. Hàng năm, thực hiện các văn bản hướng dẫn về việc chỉnh sửa và hiệu chỉnh chương trình, Khoa đã thực hiện nghiêm túc để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu về đào tạo nghề nói chung và mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

+ Thành tích của Giáo viên:

Giáo viên trong Khoa đã đạt một số giải thưởng tại các Hội thi Thiết bị giảng dạy tự làm, Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp các cấp:

TT	Năm	Giải thưởng	Hội thi
1	2013	- 01 giải nhất - 01 giải ba	Thiết bị tự làm cấp thành phố Thiết bị tự làm cấp quốc gia
2	2014	- 01 giải nhất - 01 giải khuyến khích	Hội giảng giáo viên cấp thành phố
3	2016	- 01 giải nhì - 01 giải nhì	Thiết bị tự làm cấp thành phố Thiết bị tự làm cấp quốc gia
4	2019	- 01 giải nhì - 01 giải nhất	Thiết bị tự làm cấp thành phố Thiết bị tự làm cấp quốc gia
5	2020	- 01 giải nhì	Hội giảng Nhà giáo GDNN TP Hà Nội

+ **Thành tích của Học sinh sinh viên :**

Học sinh, sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã đạt được một số giải thưởng trong các Hội thi tay nghề:

TT	Năm học	Giải thưởng	Hội thi
1	2014	01 giải khuyến khích	Hội thi tay nghề thành phố
2	2016	01 giải ba 01 giải khuyến khích	Hội thi tay nghề thành phố

3. Thông tin về Chương trình đào tạo:

- Mục tiêu của chương trình đào tạo:

3.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, vững về kiến thức chuyên môn, có kỹ năng nghề đạt chuẩn để tham gia trực tiếp trong các cơ sở sản xuất, lắp đặt, vận hành, sửa chữa và bảo trì – bảo dưỡng các thiết bị điều hòa không khí, hệ thống máy lạnh dân dụng, công nghiệp và thương nghiệp, đáp ứng nhu cầu yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí chú trọng đến các môn, mô đun là cơ sở ngành và chuyên ngành với 2/3 thời gian học thực hành – thực tế tại các xưởng của nhà trường và tại doanh nghiệp.

3.2 Mục tiêu cụ thể:

a. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Hiểu và phân tích được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Hiểu và phân tích được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Hiểu và phân tích được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Phân tích được các hư hỏng về điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí.

+ Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh.

+ Đọc, hiểu, cập nhật, ứng dụng được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề.

+ Am hiểu các dụng cụ, máy móc chính được sử dụng trong nghề.

+ Tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Thực hiện được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Thực hiện được quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

+ Kiểm tra được chất lượng hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào.

+ Sửa chữa được các hư hỏng về điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh.

+ Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh.

+ Sử dụng được các dụng cụ, máy móc chính trong nghề.

- Thái độ:

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng tốt kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

+ Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

b. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng.

- *Chính trị, đạo đức:*

+ Nhận biết và tự hào về truyền thống dân tộc, có giác ngộ XHCN, có phẩm chất đạo đức của giai cấp công nhân, có tác phong công nghiệp.

+ Hiểu biết về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam; Quyền và nghĩa vụ công dân; Tổ chức nhà nước, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Biết áp dụng và thực hiện trong cuộc sống và sinh hoạt ở nhà trường và xã hội; đồng thời tuyên truyền, vận động được gia đình, người thân, bạn bè cùng thực hiện.

+ Hiểu rõ vai trò, vị trí, nhiệm vụ của người kỹ thuật viên trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước; trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, nhằm mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- *Thể chất, quốc phòng:*

+ Rèn luyện thân thể đảm bảo sức khoẻ học tập và lao động, đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp 2. Thực hiện được các bài tập thể dục, các bài thể thao như điền kinh, cầu lông để rèn luyện sức khoẻ thường xuyên trong cuộc sống sau này.

+ Có kiến thức quân sự phổ thông, có khả năng chiến đấu và chỉ huy chiến đấu cấp tiểu đội, phân đội tăng cường. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.

3.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người làm nghề “Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí” tốt nghiệp trình độ cao đẳng thường được bố trí làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị; Các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, ĐHKK, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí; ngoài làm việc độc lập còn có khả năng lãnh đạo nhóm; có thể làm giáo viên lý thuyết và thực hành ở các trung tâm dạy nghề, làm giáo viên thực hành ở các trường cao đẳng nghề sau khi được bổ sung các kiến thức và kỹ năng về sư phạm dạy nghề.

- Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo đang áp dụng: Tập trung

Phương thức đào tạo tập trung là phương thức mà người học phải dành toàn bộ thời gian cho việc học ở trường. Sinh viên được nghe giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp, được học tập và thực hành ngay trên những thiết bị hiện đại, đồng bộ, có tính ứng dụng cao trong trường.

- Tóm tắt nội dung chương trình GDNN

+ Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng đã được ban hành theo Quyết định số /QĐ-CĐNKTCN ngày tháng năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ. Trên cơ sở chuẩn đầu ra nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình khung, điều chỉnh và ban hành các chương trình dạy nghề. Tất cả các chương trình dạy nghề của Trường đều được biên soạn và chỉnh sửa trong 3 năm trở lại đây, trước khi ban hành các chương trình, nhà trường đều có phiếu đánh giá và biên bản nghiệm thu các chương trình vào đầu học kỳ các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022.

+ Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng bao gồm 27 mô đun và môn học như sau:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi /Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 01	Chính trị	3	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2

MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	67	1885	450	1336	99
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15	345	167	149	29
MH ĐL 07	Vẽ kỹ thuật – Vẽ điện	1	30	20	7	3
MH ĐL 08	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và ĐHKK	4	75	50	20	5
MH ĐL 09	Vật liệu điện lạnh	1	30	23	4	3
MH ĐL 10	An toàn lao động điện- lạnh và vệ sinh công nghiệp	1	30	23	4	3
MĐ ĐL 11	Lắp ráp mạch điện tử cơ bản	2	30	12	15	3
MĐ ĐL 12	Lắp đặt mạch điện cơ bản	2	45	12	29	4
MĐ ĐL 13	Lắp đặt, vận hành các mạch điều khiển động cơ	2	45	12	29	4
MĐ ĐL 14	Thực tập hàn	2	60	15	41	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	52	1540	283	1187	70
MĐ ĐL 15	Thực hành đo lường điện - lạnh	2	45	12	30	3
MH ĐL 16	Tiếng anh chuyên ngành	1	30	20	7	3
MĐ ĐL 17	Thực hành cơ bản thiết bị lạnh	6	150	36	105	9

MĐ ĐL 18	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	5	125	30	88	7
MĐ ĐL 19	Vận hành, bảo trì, sửa chữa hệ thống máy lạnh công nghiệp	5	125	30	88	7
MĐ ĐL 20	Thiết kế lắp đặt hệ thống máy lạnh	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 21	Lắp đặt, sửa chữa mạch Điện tử chuyên ngành	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 22	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	150	36	105	9
MĐ ĐL 23	Lắp đặt, vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	90	29	55	6
MĐ ĐL 24	Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống ĐHKK	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 25	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống điều hoà không khí ô tô	2	45	15	26	4
MĐ ĐL 26	Thực tập nghề nghiệp	12	555	15	535	5
MĐ ĐL 27	Thực tập tốt nghiệp	3	90	15	70	5
Tổng		86	2320	607	1591	122

- Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp:

- Đội ngũ giáo viên:

Tổng số: 08, trong đó:

+ Nam: 05

- Nữ: 03

+ Cơ hữu: 08

- Thỉnh giảng: 0

<i>Giáo viên cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	04	01	05

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Đại học	01	02	03
Tổng số	05	03	08

+ Danh sách cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy tất cả các mô học, mô đun chương trình dạy nghề của khoa:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1	Chu Đức Khoan	1977	ThS. Tự động hóa	Trưởng khoa
2	Phạm Minh Vỹ	1977	ThS. LL và PP dạy học	Phó trưởng khoa
3	Trần Ích Bảo	1994	ThS. KTĐK và Tự động hóa	Giảng viên

+ Danh sách cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun chương trình dạy nghề Điện tử công nghiệp và Cơ điện tử:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1	Lê Văn Dũng	1982	ThS. Tự động hóa	Giảng viên
2	Nguyễn Thị Hải	1978	ThS. KT điện tử	Giảng viên
3	Đặng Thị Trang	1989	KS. Cơ điện tử	Giảng viên
4	Lưu Thị Thúy	1988	KS. Điện tử công nghiệp	Giảng viên

+ Danh sách cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy tất cả các mô học, mô đun chương trình dạy nghề hệ trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1	Nguyễn Văn Tùng	1997	KS. Kỹ thuật nhiệt	Giảng viên

- Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo:

STT	Tên phòng học/ Thực hành	Chức năng
1	Xưởng 301	Giảng dạy chuyên môn Điện tử công nghiệp và Cơ điện tử
2	Xưởng 302	
3	Xưởng 303	
4	Xưởng 304	
5	Xưởng 402	Giảng dạy chuyên môn KTML và ĐHKK
6	Xưởng 403	
7	Xưởng 404	
8	Xưởng 201 (Nhà Đa năng)	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ thông tư 28/2017/ TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 V/v qui định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 V/v qui định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ điều 13-19 trong thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 V/v qui định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 V/v phê duyệt ngành nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

- Căn cứ công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 V/v hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Căn cứ công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 V/v hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019.

- Căn cứ Kế hoạch số 74/KH-HĐTĐGCTĐT ngày 06 tháng 05 năm 2022 v/v tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2022.

- Căn cứ quyết định số 113/QĐ-CĐNKTCN ngày 6/5/2022 của Hiệu trưởng trường CĐN Kỹ thuật công nghệ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2022.

1.2 Mục đích tự đánh giá

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong Nhà trường về tầm quan trọng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm qui định.

Đánh giá được chất lượng GDNN bao gồm chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo của các nghề trọng điểm và trong đó có chương trình đào tạo Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là nghề trọng điểm Quốc tế theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Xác định được đúng các điểm mạnh, các tồn tại năm 2022 cần phải tiếp tục khắc phục trong thời gian tới nhằm hướng đến hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CLCSGDNN), chất lượng chương trình đào tạo (CLCTĐT).

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá CLCSGDNN và CLCTĐT hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo đúng nội hàm, chính xác, trung thực, khách quan, đầy đủ số liệu minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

Đảm bảo đúng qui trình, thời gian qui định.

Tự đánh giá chất lượng năm 2022 nhưng phải tập hợp đủ minh chứng của 03 năm học liên tiếp trước năm kiểm định (năm học 2018-2019, 2019-2020, 2021-2022).

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Tổng cục GDNN ban hành, hướng dẫn đánh giá các chỉ số kèm theo.

Thu thập thông tin, rà soát, phân tích chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đưa ra chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Xây dựng báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của từng đơn vị theo bảng phân công phụ trách tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số.

Xây dựng báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Hội đồng kiểm định.

Sử dụng các công cụ, biểu mẫu, qui trình đánh giá.

Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về các cấp quản lý có liên quan.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Tập huấn về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá)

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của phòng đào tạo và các khoa chuyên môn.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2022 của Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá¹

Chương trình đào tạo đạt 94 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/ người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
5.8	Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là nghề truyền thống, thế mạnh của trường trong nhiều năm, vì vậy luôn được nhiều sinh viên lựa chọn theo học. Có được kết quả đó là do:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí luôn gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Mặt khác, trường luôn rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo trên cơ sở khảo sát nhu cầu sử dụng lao động từ các doanh nghiệp lĩnh vực nhiệt lạnh.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao, khoa Điện tử điện lạnh đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm có sáng tạo, linh hoạt, khắc phục những bất cập, khó khăn; phối hợp có hiệu quả với các đơn vị trong trường để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo nghề cho học sinh sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

Trường đã xây dựng cụ thể định mức chi phí đào tạo cho từng nghề cụ thể trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Đảm bảo đủ nguồn thu hợp pháp hàng năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Trường có xây dựng định mức chi phí đào tạo cho người học; có đủ nguồn thu hợp pháp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

**** Những tồn tại: Không có***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Từ 2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội và địa phương, của ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa Điện tử điện lạnh tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết kế, chế tạo các mô hình thiết bị đào tạo phục vụ công tác giảng dạy thực hành;

Tiếp tục phối hợp với các phòng chức năng xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	06
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động,

Mục tiêu tổng quát của trường được quy định rõ trong đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau: “Phát triển Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ thành trường nghề chất lượng cao, đạt trình độ đào tạo nghề khu vực ASEAN và thế giới; cung cấp nguồn lao động kỹ thuật có chất lượng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu cho phát triển thị trường lao động trong và ngoài nước” (1.1.01 - Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ Số 1488/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/10/2015).

Chức năng và nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng đã đề ra. Tại Quy chế Tổ chức và hoạt động trường nêu rõ về chức năng của Nhà trường: “Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ phục vụ yêu cầu đào tạo”; nhiệm vụ của Nhà trường là các nhiệm vụ theo quy định Điều 23 của Luật GDNN: “ a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;...Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật” (1.1.02 - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ (Quyết định ban hành số 27 B QĐCĐN KTCN ngày 30/1/2018).

Căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp, nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí của trường được phép tổ chức đào tạo nghề liên thông cả 3 cấp trình độ theo

quy định của luật Giáo dục nghề nghiệp: Sơ cấp – Trung cấp – Cao đẳng. Mục tiêu đào tạo được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Cụ thể mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí: “Chương trình đào tạo “Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí” nhằm đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực nhiệt lạnh. Đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp; được trang bị kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; có khả năng tự đào tạo nâng cao trình độ cho mình”. Mục tiêu cụ thể quy định kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng (1.1.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNĐKHH-TCDN; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, chương trình chi tiết kèm theo).

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí là một trong những nghề luôn có nhu cầu cao về nguồn nhân lực từ thị trường lao động trong các lĩnh vực nhiệt lạnh do sự gia tăng nhanh chóng về công nghệ trên thị trường, đặc biệt nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề cao do yêu cầu về chất lượng bảo dưỡng và sửa chữa. Số liệu khảo sát một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí như sau: Năm 2020 trường thực hiện khảo sát 10 doanh nghiệp, 10/10 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng; Năm 2021 trường thực hiện khảo sát 10 doanh nghiệp, 10/10 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng; Năm 2022 trường thực hiện khảo sát 10 doanh nghiệp, 10/10 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng. (1.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát; các phiếu khảo sát)

Từ những phân tích trên, trường đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động.

Mục tiêu của CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường được công bố trên website của Nhà trường (1.1.07 - <http://www.httc.edu.vn>) và được thông qua công tác tuyên truyền tuyển sinh hàng năm (1.1.08 – Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021).

Nội dung rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đào tạo:

Năm 2017, căn cứ hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, nhà trường đã tổ chức triển khai xây dựng các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở kế thừa bộ chương trình đang sử dụng. Quá trình xây dựng, trường đã thực hiện xác định mục tiêu của chương trình đào tạo; sắp xếp lại nội dung, thời lượng, thứ tự thực hiện các môn học, mô đun...(1.1.04- Quyết định ban hành chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, năm 2017 có chương trình chi tiết kèm theo).

Trong quá trình thực hiện từ năm học 2017 – 2018, khoa Điện tử điện lạnh đã giao nhiệm vụ cho các giáo viên giảng dạy đề xuất các vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh trong chương trình đào tạo. Căn cứ thông tư 21/2018/TT-BLĐT BXH về tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao, năm 2020, nhà trường đã triển khai tổng rà soát toàn bộ các chương trình đào tạo sau 3 năm thực hiện đào tạo theo bộ chương trình mới trình độ trung cấp, cao đẳng. Khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu, thời gian đào tạo, cập nhật một số nội dung chuyên môn trong một số môn học, mô đun phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và cập nhật công nghệ mới trong lĩnh vực nhiệt lạnh theo các tiêu chí quy định tại thông tư 21/2018/TT-BLĐT BXH (1.1.09 – Bộ chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí điều chỉnh năm 2020, kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả :

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường đã có các văn bản quy định về cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của các đơn vị (phòng, khoa, trung tâm) trong Nhà trường. Trường có phòng Đào tạo để thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác đào tạo; Phòng Đảm bảo chất lượng để giám sát, kiểm tra, kiểm định nhằm mục đích bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo...

Phân tích:

Văn bản của cơ sở đào tạo về việc giao nhiệm vụ cho khoa/đơn vị phụ trách và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT;

Hàng năm vào đầu học kỳ nhà Trường có văn bản giao nhiệm vụ cho Khoa Điện tử - Điện lạnh và các khoa liên quan về thực hiện khối lượng và tiến độ đào tạo trong kỳ và trong năm học. (1.2.01 – Tiến độ và khối lượng đào tạo học kỳ và năm học).

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của khoa/đơn vị phụ trách CTĐT;

Hết mỗi năm học khoa sẽ tổng hợp tất cả số liệu trong quá trình đào tạo để đưa vào báo cáo tổng kết của Khoa, đây là một phần nội dung trong báo cáo tổng kết của toàn Trường (1.2.02 – Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 khoa Điện tử - Điện lạnh).

Báo cáo tổng kết hàng năm của cơ sở đào tạo;

Báo cáo tổng kết năm học của trường được xây dựng vào cuối năm học dựa trên các báo cáo tổng kết của các đơn vị với nội dung khái quát tóm tắt nội dung chính (1.2.03- Báo cáo tổng kết năm 2017, 2018, 2019, 2020 của Trường).

Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với khoa/đơn vị phụ trách CTĐT

Nhằm động viên khích lệ quá trình thực hiện nhiệm vụ của khoa trong năm học, cuối năm nhà trường xem xét thi đua khen thưởng cho cá nhân và tập thể (1.2.04 – Quyết định khen thưởng cá nhân và tập thể trong năm học 2017, 2018, 2019, 2020).

Nhận định:

Trên cơ sở chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, trên cơ sở thực tiễn của nhà trường, Ban giám hiệu, Phòng đào tạo tổng hợp lập, tiến độ, khối lượng, thời khóa biểu cho từng học kỳ của năm học đảm bảo tiến độ đào tạo. Từ đó các khoa, bộ môn chuyên môn phân công giáo viên, xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng mô đun, môn học của từng học kỳ trong năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả :

Nhà trường được Bộ Lao động – Thương binh và xã hội đầu tư xây dựng cơ bản khá tốt; có tương đối đầy đủ cơ sở vật chất, máy, trang thiết bị đồ dùng dạy học đáp ứng được nhu cầu đào tạo. Riêng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có 04 xưởng thực hành. Công tác quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định. Sử dụng tối ưu các hạng mục công trình, máy móc, trang thiết bị, vật tư dạy học.

Phân tích:

Hàng năm, Trường căn cứ vào Nghị định của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định Ngân sách hàng năm để lập Kế hoạch ngân sách, trình Bộ Lao động – Thương binh và xã hội theo quy định (1.3.01 Biên bản xét duyệt quyết toán tài chính năm 2019; Dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của Trường). Trên cơ sở đó, Nhà trường có văn bản quy định về các định mức chi liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo (1.3.02 Thông báo về việc Triển khai thực hiện dự toán thu chi năm 2020, 1.3.03 Quy chế Chi tiêu nội bộ)

Hết mỗi năm học Phòng kế toán tài vụ báo cáo công tác thu chi năm học vào hội nghị Cán bộ công nhân viên chức (1.3.04 – Báo cáo thu chi tài chính năm học)

Báo cáo, biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo;

Trong năm học tùy vào điều kiện cụ thể Nhà trường lập đoàn kiểm tra công tác đào tạo tại khoa (*1.3.05- Báo cáo, biên bản thanh, kiểm tra về công tác đào tạo*).

Nhận định:

Hầu hết các môn học/mô đun chuyên ngành đều áp dụng phương pháp giảng dạy tích hợp nhưng cần xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, coi chất lượng là sự sống còn của nhà trường, là cơ sở để khẳng định thương hiệu của nhà trường với người học và xã hội. Quyết tâm thực hiện chủ trương mỗi bài học là một công việc, mỗi môn học là một sản phẩm. Xây dựng hệ thống phòng học tích hợp với đầy đủ vật tư, nguyên vật liệu đầy đủ cho sinh viên vừa học lý thuyết, vừa học thực hành, rèn luyện kỹ năng theo đúng triết lý trong đào tạo nghề là “đi từ cái tay đến cái đầu”. Tổ chức đào tạo theo mô đun, giảng dạy lý thuyết gắn liền với rèn luyện kỹ năng, tay nghề, thực tập kết hợp với sản xuất và kinh doanh dịch vụ, khả năng làm việc nhóm, tác phong công nghiệp...

** Những điểm mạnh:*

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác quản lý và tổ chức đào tạo.

Trường đã thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

Công tác thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo theo quy định của trường.

** Những tồn tại:*

Chưa sử dụng phần mềm chuyên dụng quản lý quá trình đào tạo tại trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong những năm tới áp dụng phần mềm chuyên dụng vào quản lý quá trình học tập của HSSV trong toàn trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	0
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào quy chế tuyển sinh số 08/2007/QĐ - BLĐT BXH ngày 26/3/2007 của Bộ LĐ-TB & XH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, để phù hợp với tình hình thực tế tuyển sinh của Trường, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐTB&XH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để áp dụng cho toàn trường, trong đó có tuyển sinh nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh (hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề), tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đúng theo Quy chế của Bộ, của Trường và hoạch đã được lập. Để hướng dẫn các đơn vị trong trường Triển khai công tác Tuyển sinh, hàng năm căn cứ vào quy chế tuyển sinh của trường đơn vị thường trực tuyển sinh đã chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế và ngành nghề nhà trường tổ chức tuyển sinh (2.1.01 – *Kế hoạch tuyển sinh hàng năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh hàng năm, Nhà trường ban hành và công bố Thông báo tuyển sinh. Các thông báo được dán ở bảng thông báo của Trường, đăng tải thông báo trên trang Web của Trường, trên báo, đài, treo băng rôn... (2.1.02 - *Thông báo Tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021*);

Trường thực hiện công tác tuyển sinh nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đúng theo quy chế số 08/2007/QĐ-BLĐT BXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quy chế tuyển sinh của Trường. Từ năm 2016, công tác tuyển sinh được thực hiện như sau: Hàng năm, Trường thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh gồm ban thư ký, ban tư vấn tuyên truyền tuyển sinh. Hội đồng Tuyển sinh họp phân công nhiệm vụ cho các ban giúp việc và thực hiện Tuyển sinh trong năm học (2.1.03 - *Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh, thành lập các tiểu ban - Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh trong đó có mẫu hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐTBXH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để

áp dụng cho toàn trường, trong đó có tuyển sinh nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (2.1.04– *Hồ sơ đăng ký học*).

Hàng năm Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ tổ chức họp Hội đồng Tuyển sinh thống nhất Tiêu chuẩn trúng tuyển đối với từng hệ và ngành học để làm cơ sở xét tuyển hàng năm (2.1.05 - *Tiêu chuẩn trúng Tuyển*).

Căn cứ danh sách dự tuyển, căn cứ tiêu chuẩn trúng tuyển, nhà trường có danh sách trúng tuyển, kết quả trúng tuyển được niêm yết công khai và được thông báo tới người học. (2.1.06– *Quyết định và danh sách trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Hàng năm, Trường có báo cáo tổng kết, đánh giá về công tác tuyển sinh nhằm đánh giá kết quả thực hiện và những hạn chế để bổ sung, khắc phục cho kỳ tuyển sinh tiếp theo (2.1.07 – *Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Căn cứ danh sách trúng tuyển và hồ sơ nhập học, nhà trường có danh sách nhập học và ban hành quyết định phân lớp (2.1.08 – *Danh sách nhập học, 2.1.9 – Quyết định phân lớp*)

Ban thanh tra nhân dân đều tổ chức thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh của Trường, kết quả cho thấy công tác tuyển sinh của trường hàng năm diễn ra công khai, đối tượng tuyển sinh đúng theo quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng khách quan, kết quả trúng tuyển được niêm yết công khai và được thông báo tới người học. Trong nhiều năm Trường không có đơn thư khiếu nại trong công tác tuyển sinh của trường (2.1.10 – *Báo cáo công tác của Ban thanh tra nhân dân năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Tuy nhiên số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng chưa đạt tối thiểu 80%

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2 : 0 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt, Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng ngành nghề trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí hệ cao đẳng, cụ thể đến các môn học theo từng học kỳ, số giờ học lý thuyết, học thực hành, thực tập sản xuất, số giờ kiểm tra, ôn thi và thi tốt nghiệp (2.2.01 - *Kế hoạch, tiến độ đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí*)

Phòng đào tạo kết hợp với Khoa Điện tử - Điện lạnh xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ, năm học và xây dựng tiến độ đào tạo cho Khoa đảm bảo đúng tiến độ của Khoa và của Trường theo đúng quy định 62/2008/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.2.02 - *Kế hoạch giáo viên của Khoa Điện tử - Điện lạnh*).

Căn cứ kế hoạch giáo viên, tiến độ và thời khóa biểu của Khoa Điện tử - Điện lạnh, giáo viên chuẩn bị lên lớp chuẩn bị hồ sơ giảng dạy bao gồm: Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo (trong đó giáo án giảng dạy phải được ký duyệt của người chịu trách nhiệm) (2.2.03 – *Sổ lên lớp, giáo án, sổ tay giáo viên, lịch giảng dạy*)

Phòng đào tạo và đảm bảo chất lượng thực hiện công việc giám sát công tác đào tạo đảm bảo chất lượng đào tạo. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các khoa thực hiện nghiêm chỉnh công tác đào tạo. Nhưng trong năm vừa qua Khoa Điện tử - Điện lạnh nói chung và nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng không phát sinh trường hợp nào vi phạm nên không có biên bản vi phạm nào (1.3.05- *Báo cáo, biên bản thanh, kiểm tra về công tác đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt, Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng ngành nghề trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí hệ cao đẳng, cụ thể đến các môn học theo từng học kỳ, số giờ học lý thuyết, học thực hành, thực tập sản xuất, số giờ kiểm tra, ôn thi và thi tốt nghiệp (2.2.01 - *Kế hoạch, tiến độ đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí*)

Phòng đào tạo kết hợp với Khoa Điện tử - Điện lạnh xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ, năm học và xây dựng tiến độ đào tạo cho Khoa đảm bảo đúng tiến độ của Khoa và của Trường theo đúng quy định 62/2008/QĐ-BLĐT BXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.2.02 - *Kế hoạch giáo viên của Khoa Điện tử - Điện lạnh*).

Căn cứ kế hoạch giáo viên, tiến độ và thời khóa biểu của Khoa Điện tử - Điện lạnh, giáo viên chuẩn bị lên lớp chuẩn bị hồ sơ giảng dạy bao gồm: Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo (trong đó giáo án giảng dạy phải được ký duyệt của người chịu trách nhiệm) (2.2.03 – *Sổ lên lớp, giáo án, sổ tay giáo viên, lịch giảng dạy*)

Phòng đào tạo và đảm bảo chất lượng thực hiện công việc giám sát công tác đào tạo đảm bảo chất lượng đào tạo. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các khoa thực hiện nghiêm chỉnh công tác đào tạo. Nhưng trong năm vừa qua Khoa Điện tử - Điện lạnh nói chung và nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí riêng không phát sinh trường hợp nào vi phạm nên không có biên bản vi phạm nào.

Khoa Điện tử - Điện lạnh cũng như Phòng Đào tạo, Phòng CTHSSV vẫn sử dụng các phần mềm Microsoft Word và Excel để quản lý đào tạo và điểm... cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng và các nghề khác trong trường nói chung. (2.3.02 – *Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các MH/MD của CTĐT; Bảng điểm môn học, mô đun*). Do yêu cầu phần mềm quản lý CTĐT, môn học, học sinh, điểm. Vậy Khoa cũng như Phòng Đào tạo sử dụng các phần mềm Microsoft Word và Excel đạt yêu cầu.

Trong quá trình đào tạo của trường, các giáo viên vẫn thường xuyên sử dụng các phần mềm trình diễn, mô phỏng để phục vụ công tác đào tạo như phần mềm Powerpoint, Autocad... (2.3.03 – *Phần mềm mô phỏng thực hành, Các slide bài giảng của từng môn học, mô đun*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo sự phân công nhiệm vụ của từng đơn vị trong trường, Phòng QHDN là phòng được phân công nhiệm vụ hợp tác với các doanh nghiệp trong công tác đưa người học tại trường đến thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. Phòng QHDN đã có những hợp đồng, biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp để đưa người học đến các doanh nghiệp để thực hành, thực tập. (2.4.01 – *Hợp đồng, biên bản ghi nhớ với doanh nghiệp*)

Căn cứ vào các biên bản, hợp đồng ghi nhớ đã có với doanh nghiệp, Phòng QHDN căn cứ kế hoạch đào tạo và phối hợp với Phòng Đào tạo, Khoa Điện tử - Điện lạnh xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho người học. (2.4.02 – *Kế hoạch thực tập 2018, 2019, 2020, 2021*)

Sau khi có kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ ra quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp (có danh sách kèm theo). (2.4.03 – *Quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp 2018, 2019, 2020, 2021*)

Kèm theo quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp là có giáo viên đi hướng dẫn học sinh, sinh viên tại doanh nghiệp. (2.4.04 – *Quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp bao gồm có giáo viên đi hướng dẫn 2018, 2019, 2020, 2021*)

Kèm theo quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp là đề cương thực hành, thực tập doanh nghiệp. (2.4.05 – *Đề cương thực tập tại doanh nghiệp 2018, 2019, 2020, 2021*)

Sau khi hoàn thành thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, giáo viên hướng dẫn sẽ có đánh giá, cho điểm thực hành doanh nghiệp và sẽ có danh sách học sinh sinh viên đã thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. (2.4.06 – *Bảng điểm mô đun thực tập 2018, 2019, 2020, 2021*)

Kết thúc các đợt thực tập HSSV làm báo cáo quá trình thực tập, xin nhận xét của quản lý phân xưởng các công ty về nhà trường làm cơ sở đánh giá điểm cho HSSV. Học sinh sinh viên là nữ tham gia quá trình thực tập được bố trí những công việc phù hợp thể hiện trong sổ quản lý thực tập của HSSV (2.4.07 – *Sổ quản lý thực tập năm 2018, 2019, 2020, 2021*, 2.4.08 - *Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động.*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐT BXH, ngày 24.5/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ chính quy, nhà trường đã ra quyết định ban hành quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp áp dụng trong toàn trường (2.5.01 - *Quyết định ban hành quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp*).

Căn cứ vào quy chế của trường Phòng Đảm bảo chất lượng trình ban giám hiệu ban hành quy trình ra đề và quản lý in sao đề đảm bảo nghiêm túc công bằng, khách quan trong giảng dạy và tổ chức kiểm tra kết thúc mô đun, môn học (2.5.02 - *Quyết định số 362/QĐ-CĐNKTCN, ban hành quy định tạm thời về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/ MĐ, - Quy trình ra đề và quản lý in sao đề*)

Quá trình tổ chức thi tốt nghiệp cũng được Trường chỉ đạo thực hiện rất nghiêm túc và công bằng. Căn cứ kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch thi tốt nghiệp và thông báo đến các Khoa chuyên môn, các Phòng có liên quan chuẩn bị cơ sở vật chất, bảng điểm, hồ sơ HSSV, kết quả rèn luyện người học nghề, xét tư cách dự thi Tốt nghiệp, thành lập Hội đồng thi Tốt nghiệp, ra đề thi, tổ chức bốc đề trong ngân hàng đề thi quốc gia (tại Tổng cục Dạy nghề), tổ chức thi, chấm thi (các bài thi viết được rọc phách, do hai giáo viên chấm độc lập, các bài thi thực hành đều có mã hóa sản phẩm), xét tốt nghiệp và công bố kết quả thi và kết quả được công bố sau 15 ngày kể từ ngày dự thi (2.5.03 – *Hồ sơ thi tốt nghiệp* gồm: Kế hoạch thi; Quyết định thành lập Hội đồng; Quyết định thành lập các tiêu ban; Biên bản các cuộc họp của Hội đồng; Báo cáo kết quả thi tốt nghiệp). Ngoài ra, trong suốt quá trình thi đều

có sự giám sát của hội đồng thi, đại diện của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo tính nghiêm túc và khách quan (2.5.04 - *Biên bản giám sát thi tốt nghiệp*, 2.5.05 - *Báo cáo kết quả công tác rà soát thực hiện các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.*).

Kết thúc kỳ thi tốt nghiệp nhà trường đã thực hiện báo cáo kết quả thi tốt nghiệp lên sở Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTB&XH đúng thời gian quy định (30 ngày sau khi kết thúc) danh sách và kết quả công nhận tốt nghiệp (2.5.06 - *Báo cáo kết quả tốt nghiệp 2018, 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã có đầy đủ các văn bản quy định về cơ cấu tổ chức được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ và Quy chế tổ chức của Trường đã quy định rõ chức năng và nhiệm vụ của Phòng Đào tạo; Phòng Đảm bảo chất lượng (2.6.01 – Điều lệ Trường CĐN Kỹ thuật công nghệ) và (2.6.02 – Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐN Kỹ thuật công nghệ).

Nhà trường luôn luôn coi trọng công tác quản lý chất lượng đào tạo. Chính vì vậy Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy năm được Ban giám hiệu phê duyệt (2.6.03 – *Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm*) và (2.2.04 – *Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học*).

Các phòng, khoa đã thực hiện tốt các Kế hoạch đã đề ra. Công tác giám sát, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch cụ thể và có biên bản kiểm tra theo đúng quy định (2.6.05 – *Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm*, 2.6.06 - *Các biên bản kiểm tra học kỳ I, học kỳ II, Biên bản kiểm tra Sổ lên lớp, Biên bản kiểm tra đột xuất giờ giảng của giáo viên ...*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và thị trường lao động, Nhà Trường chủ trương thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo. Nhà trường tổ chức đào tạo với nhiều loại hình, ngành nghề với các cấp trình độ khác nhau. Đào tạo nghề ở 3 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và đào tạo liên thông giữa các bậc học; Liên kết với các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học

(2.7.01.- Thông báo tuyển sinh hệ dài hạn và liên thông; 2.7.02 Kế hoạch đào tạo, Tiến độ thực hiện, kế hoạch giảng dạy, Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án các năm học, 2.7.03 - Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của cơ sở đào tạo)

Nhà trường đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với những ngành, nghề trường đã đăng ký đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng, trong giấy phép đăng ký đào tạo có quy định rõ Nhà trường có thể đào tạo liên thông ở trình độ tương ứng từ trung cấp lên cao đẳng nếu đủ điều kiện cần thiết. *(2.7.04 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với những ngành, nghề trường đào tạo liên thông ở trình độ tương ứng)*

Chương trình đào tạo liên thông cho những ngành, nghề trường đào tạo liên thông đã được Hiệu trưởng phê duyệt. *(2.7.05- Chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ được thành lập và phát triển trên cơ sở trường Kỹ thuật công nghệ. Trong những năm qua, Trường chú trọng đến phát triển, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được nhà trường quan tâm đặc biệt để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên kế cận vững về chuyên môn nghiệp vụ, có kỹ năng nghề và trình độ quản lý đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Tuy nhiên công tác tuyển dụng giảng viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí còn có hạn chế.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. Thường xuyên, đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý tạo động lực thi đua, phấn đấu trong công tác. Có chính sách khuyến khích động viên đối với giáo viên cán bộ quản lý đi học tập nhằm nâng cao chuyên môn.

Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất tư tưởng chính trị tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững, có kỹ năng nghề, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

** Những tồn tại:*

- Số giáo viên cơ hữu của khoa đảm nhận giảng dạy các môn học chuyên ngành còn ít;
- Khoa thiếu giáo viên nên số giờ giảng vượt quá số giờ tiêu chuẩn theo quy định.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và nâng cao hơn nữa trình độ của giáo viên, cán bộ quản lý nhằm phù hợp với xu thế quốc tế hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề cho giáo viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2

Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có 100% đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo theo quy định. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thuộc Khoa Điện tử - Điện lạnh có 04 giáo viên tham gia giảng dạy các môn các giáo viên đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được bố trí giảng dạy các môn học, môn học phù hợp (3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học. 3.1.02 Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên của khoa/ nghề, Hồ sơ cá nhân). Số lượng giáo viên tham gia giảng dạy gồm các giáo viên của các đơn vị liên quan. Trong đó, số giáo viên tham gia giảng dạy các môn học, môn học trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí chiếm 50% với tỷ lệ giáo viên của khoa và các giáo viên này đã có bằng Đại học và Thạc sỹ, được bồi dưỡng kỹ năng của nghề.

Giáo viên có đầy đủ hồ sơ cá nhân được lưu trữ tại phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, có cán bộ quản lý lưu trữ hồ sơ (3.1.03- Hồ sơ quản lý giáo viên).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch và tiến độ đào tạo của Nhà trường, Khoa bố trí sắp xếp nhà giáo dạy các môn học, môn học theo chương trình đào tạo. Tuy nhiên các giảng viên này khi tuyển dụng vào trường chưa phù hợp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí mà mới được bồi dưỡng kỹ năng. (3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học).

Hồ sơ quản lý nhà giáo: Trường có “Danh sách trích ngang” của nhà giáo dạy nghề về trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề của đội ngũ nhà giáo được phân công giảng dạy theo từng môn học, môn học (3.2.01 - Danh sách trích ngang của nhà giáo về trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề của đội ngũ nhà giáo được phân công giảng dạy theo từng môn học, môn học)

Nhận xét, đánh giá và phân loại nhà giáo theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động;

Báo cáo tổng kết hàng năm của cơ sở đào tạo: Hàng năm Nhà trường tổ chức Nhận xét, đánh giá và phân loại nhà giáo theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động. (3.2.02 – *Kết quả phân loại công chức, viên chức và người lao động*). Kết thúc năm học nhà trường tổ chức hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động, thông qua báo cáo tổng kết năm học cho mọi người đóng góp ý kiến, Phòng TCHCQT sẽ hoàn thiện để ký ban hành (3.2.03 – *Báo cáo tổng kết năm học*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/ lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Danh sách trích ngang nhà giáo, họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học.

Theo quy định, định kỳ hàng năm, phòng Tổ chức - hành chính - quản trị báo cáo thống kê danh sách cán bộ, giáo viên (3.2.01 - *Danh sách trích ngang của nhà giáo về trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề của đội ngũ nhà giáo được phân công giảng dạy theo từng môn học, mô-đun*)

Do trường CĐN KTCN có đơn vị chủ quản là Bộ LĐTB&XH, là bộ quản lý ngành dọc về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nên ngoài các văn bản quy định hướng dẫn chế độ làm việc của nhà giáo chung thì Trường không có quy định văn bản cụ thể của các Bộ khác.

Quy định của cơ sở đào tạo về chế độ làm việc của nhà giáo. Căn cứ trên quy định của cơ quan quản lý, Nhà trường đã cụ thể hóa xây dựng Quy chế nhà giáo để áp dụng thực hiện cho toàn Trường (3.3.01- *Quy chế nhà giáo*)

Kế hoạch đào tạo: Hàng năm, vào đầu năm học Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo theo các học kỳ, trong đó bao gồm nhiều nghề có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (3.3.02- *Kế hoạch đào tạo*)

Kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa của chương trình. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, các khoa chuyên môn sẽ xây dựng tiến độ và phân công giáo viên thực hiện.(3.3.03- *Kế hoạch phân công giáo viên và tiến độ đào tạo*).

Danh sách người học từng lớp, danh sách thể hiện số người học học lý thuyết, học thực hành. Căn cứ vào phân công giáo viên, giáo viên sẽ liên hệ với GVCN để nắm bắt được danh sách người học từng lớp, căn cứ vào số lượng thiết bị máy móc giáo viên sẽ đề xuất chia tách ca thực

tập cho phù hợp, các danh sách này được thể hiện rõ trên sổ tay giáo viên. (3.3.04- *Sổ tay giáo viên*).

Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm. Cuối mỗi năm học các khoa lập bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo làm cơ sở để đánh giá xếp loại giáo viên (3.3.05- *Bảng thống kê giờ giảng năm học*)

Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ. Hàng tháng Nhà trường thanh toán tiền lương cho các nhà giáo định kỳ (3.3.06- *Bảng thanh toán lương*), cuối mỗi năm học Nhà trường đã tiến hành thống kê giờ giảng của nhà giáo. Tuy nhiên do khó khăn nguồn kinh phí nên chưa thống nhất về khối lượng và chưa thanh toán tiền vượt giờ.

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học. Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy thì các nhà giáo còn tham gia các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác do nhà trường phân công như Giáo viên chủ nhiệm, quản lý thiết bị...(3.3.08- *Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm*); (3.3.09- *Quyết định phân công quản lý trang thiết bị nhà xưởng*)

Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo. Hàng năm sau khi tuyển sinh và khai giảng nhà Trường sẽ tổng kết lại số lượng người học toàn trường từ đó đưa vào số liệu báo cáo khai giảng năm học. (3.3.10- *Báo cáo khai giảng*)

Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo (bao gồm cả đối với giáo viên dạy chuyên ngành, nghề riêng). Hàng năm nhà trường tiến hành thanh kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất đối với các nhà giáo, kết luận thanh kiểm tra được đưa vào biên bản. (3.3.11- *Biên bản thanh kiểm tra công tác đào tạo*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giảng viên giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là các giảng viên của khoa Điện tử - Điện lạnh. Có tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. Có 01 giảng viên tham gia hội thi nhà giáo GDNN toàn quốc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Khoa khoa Điện tử - Điện lạnh lập kế hoạch cho các nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy. (3.5.01 –*Kế hoạch học tập bồi dưỡng của nhà giáo*)

Văn bản về việc cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy hàng năm. Các nhà giáo tham gia học tập nâng cao đều có quyết định của Lãnh đạo nhà Trường cử đi. (3.5.02 –*Quyết định cử giáo viên tham gia học tập*)

Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm. Các nhà giáo khi tham gia các khóa học đều có các tài liệu học tập liên quan. (3.5.03 –*Tài liệu học tập*)

Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng, Ý kiến của các đối tượng có liên quan. Khi kết thúc khóa học, nhà giáo phải làm báo cáo kết toàn khóa học gửi về Phòng TCHCQT và có ý kiến xác nhận của Phòng ĐT để việc tính công làm việc (3.5.04 –*Báo cáo kết quả khóa học*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm cập nhật, tiếp cận với công nghệ mới bổ sung kiến thức và kỹ năng cho việc giảng dạy Nhà trường rà soát, bố trí sắp xếp nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, các môn học mô đun theo chương trình đào tạo. (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học*).

Trong những năm qua, Nhà trường đã tổ chức cho giáo viên đi thực tế sản xuất. Mỗi năm học, Nhà trường đã tổ chức ít nhất 01 đợt xâm nhập thực tế cho giáo viên vào các khảng thời gian phù hợp 3.6.01 –*Quyết định cử giáo viên xâm nhập thực tế tại Doanh nghiệp*)

Hàng năm Khoa Điện tử - Điện lạnh lập kế hoạch cho các nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Doanh nghiệp. Các nhà giáo tham gia học tập nâng cao đều có quyết định của Lãnh đạo nhà Trường cử đi. (3.6.02 –*Quyết định cử giáo viên tham gia học tập tại Doanh nghiệp*)

Các nhà giáo khi tham gia học tập tại Doanh nghiệp đều có sự giám sát quản lý của doanh nghiệp. Trước khi đi thực tập tại doanh nghiệp, mỗi giáo viên có đề cương thực tập tại doanh nghiệp. (3.6.02 –*Đề cương học tập tại Doanh nghiệp*)

Khi kết thúc thời gian học tập tại Doanh nghiệp, nhà giáo phải làm báo cáo kết quả có sự xác nhận của doanh nghiệp gửi về Phòng TCHCQT và có ý kiến xác nhận của Phòng ĐT để việc tính công làm việc (3.6.03 –*Báo cáo kết quả học tập tại Doanh nghiệp*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch và tiến độ đào tạo của Nhà trường, Khoa bố trí sắp xếp nhà giáo (bao gồm cả cán bộ quản lý và nhân viên) dạy các môn học mô đun theo chương trình đào tạo (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học*).

Hàng năm Nhà trường tổ chức Nhận xét, đánh giá và phân loại nhà giáo theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động. (3.7.01 – *Kết quả phân loại công chức, viên chức và người lao động*). Kết thúc năm học nhà trường tổ chức hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động, thông qua báo cáo tổng kết năm học cho mọi người đóng góp ý kiến, Phòng TCHCQT sẽ hoàn thiện để ký ban hành (3.2.04 – *Báo cáo tổng kết năm học*).

Để thực hiện công tác giảng dạy của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, nhà trường đã cử 07 giáo viên đi bồi dưỡng về kỹ năng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Căn cứ vào kế hoạch và tiến độ đào tạo của Nhà trường, Khoa bố trí sắp xếp nhà giáo (bao gồm cả cán bộ quản lý và nhân viên) dạy các môn học mô đun theo chương trình đào tạo (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học*).

Hàng năm Nhà trường tổ chức Nhận xét, đánh giá và phân loại nhà giáo theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, Luật lao động. (3.8.01 – *Kết quả phân loại công chức, viên chức và người lao động*).

Kết thúc năm học nhà trường tổ chức hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động, thông qua báo cáo tổng kết năm học cho mọi người đóng góp ý kiến, Phòng TCHCQT sẽ hoàn thiện để ký ban hành (3.8.02 – *Báo cáo tổng kết năm học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội ban hành. Nhà trường đã có những quy định cụ thể và chi tiết về công tác xây dựng chương trình, giáo trình. Chương trình dạy nghề được tổ chức biên soạn, nghiệm thu theo Quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. Được Nhà trường chỉnh sửa, bổ sung nhằm mục tiêu đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng vào công việc thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình xây dựng nhà trường đặc biệt quan tâm việc chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, trường đã mời các chuyên gia đến từ các công ty tham gia góp ý, tổ chức tham khảo ý kiến của giáo viên, học sinh sinh viên, người học đã tốt nghiệp để có cơ sở chỉnh sửa chương trình cho phù hợp. Các giáo trình chưa được biên soạn mà đang dùng bộ giáo trình của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, chưa đáp ứng được với những thay đổi của chương trình theo luật giáo dục nghề nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

Chương trình dạy nghề đúng và đủ theo quy định. Được rà soát, điều chỉnh bổ sung khá kịp thời.

** Những tồn tại:*

- Nội dung giáo trình của một số kỹ năng chưa phù hợp.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Giao cho các Khoa sưu tầm tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh, tổ chức dịch thuật. Tham khảo thêm một số chương trình dạy nghề của các nước có nền khoa học công nghệ tiên tiến để điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp hơn.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên và ngoại ngữ.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	20

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	0
Tiêu chuẩn 12	0

Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả:

Nhà trường đã có những quy định cụ thể và chi tiết về công tác xây dựng chương trình, giáo trình. Chương trình dạy nghề được tổ chức biên soạn, nghiệm thu theo Quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phân tích:

Nhà trường đã căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014; Thông tư số 30/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để ban hành Quy định về việc tổ chức xây dựng, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề riêng của trường. Để phục vụ cho công tác xây dựng chương trình dạy nghề, nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT(4.1.01 – *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo*).

Trên cơ sở chương trình dạy nghề. Trường thực hiện tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Phòng đào tạo đơn vị được giao chủ trì xây dựng kế hoạch xây dựng biên xây dựng chương trình, trình lãnh đạo thành lập tiểu ban xây dựng và tổ chức xây dựng, các tiểu ban tiến hành xây dựng thống nhất về chuyên môn tại khoa, nộp về hội đồng nghiệm thu nhà trường

(4.1.02 *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*). Tổ chức nghiệm thu chương trình theo quy định của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

Để thực hiện nghiệm thu chương trình theo quy định của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có các biên bản kèm theo trong quá trình biên soạn (4.1.03 - *Các biên bản trong quá trình biên soạn/ lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo*) các biên bản ghi lại quá trình biên soạn, lựa chọn, thẩm định.

Các tiểu ban xây dựng tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện theo ý kiến góp ý của ban nghiệm thu, trình hiệu trưởng ra quyết định ban hành sử dụng trong toàn trường (4.1.04 - *Quyết định ban hành/ lựa chọn chương trình đào tạo*)

Nhận định:

Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật điều chỉnh theo quy định, khá kịp thời.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả :

Nhà trường đã tổ chức triển khai xây dựng chương trình dạy nghề tới toàn thể cán bộ, giáo viên, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của quá trình đào tạo. Ngoài các giáo viên Nhà trường có mời các cán bộ khoa học kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia xây dựng chương trình dạy nghề. Mỗi chương trình đều có sự tham gia góp ý kiến hoặc tham gia xây dựng, thẩm định của ít nhất 2 cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp.

Phân tích:

Trường có Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT. Để phục vụ cho công tác xây dựng chương trình dạy nghề, nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/ Tổ biên soạn/ lựa chọn CTĐT(4.2.01 - *Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình*); (4.2.02 - *Danh sách cán bộ khoa học kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia xây dựng chương trình dạy nghề*).

Trường đã tổ chức xây dựng chương trình dạy nghề với các bước cụ thể đúng theo quy định của trường và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Lao động Thương binh xã hội ban hành theo Thông tư số 30/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, gồm các bước cụ thể. Phòng đào tạo đơn vị được giao chủ trì xây dựng kế hoạch xây dựng biên soạn xây dựng chương trình, trình lãnh đạo thành lập tiểu ban xây dựng và tổ chức xây dựng, các tiểu ban tiến

hành xây dựng thống nhất về chuyên môn tại khoa, nộp về hội đồng nghiệm thu nhà trường (4.2.03- *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT*). Tổ chức nghiệm thu chương trình theo quy định của Hội đồng thẩm định CTĐT.

Để thực hiện nghiệm thu chương trình theo quy định của Hội đồng thẩm định CTĐT có các biên bản kèm theo trong quá trình biên soạn (4.2.04 - *Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định CTĐT*) các biên bản ghi lại quá trình biên soạn, lựa chọn, thẩm định.

Các tiểu ban xây dựng tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện theo ý kiến góp ý của ban nghiệm thu, trình hiệu trưởng ra quyết định ban hành sử dụng trong toàn trường (4.2.05 - *Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT*)

Hiện tại chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo luật giáo dục nghề nghiệp đã được đưa vào giảng dạy và lấy được ý kiến của các đối tượng có liên quan.

Nhận định:

Chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã được Nhà trường xây dựng và đưa vào sử dụng, được 02 đơn vị sử dụng lao động cho ý kiến trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả :

Chương trình dạy nghề đúng và đủ theo quy định. Được rà soát, điều chỉnh bổ sung kịp thời.

Phân tích:

Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn kỹ năng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, căn cứ thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trường đã xây dựng 14 chương trình dạy nghề cho các nghề đang đào tạo. Trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (1.1.01- *Quyết định số 344/QĐ-CDNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CDNTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo*). Trường thực hiện tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có mời các cán bộ khoa học kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia xây dựng chương trình dạy nghề. Mỗi chương trình đều có sự tham gia góp ý kiến hoặc tham gia xây dựng, thẩm định của ít nhất 2 cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp (4.3.01- *Danh*

sách cán bộ khoa học kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia xây dựng chương trình dạy nghề).

Nhận định:

Nhà trường đã có những quy định cụ thể và chi tiết về công tác xây dựng chương trình. Chương trình dạy nghề đảm bảo được đầy đủ kiến thức, kỹ năng theo bộ tiêu chuẩn kỹ năng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4 : 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả :

Chương trình đào tạo được phân bổ thời gian phù hợp với ngành/nghề và từng môn học / mô đun.

Phân tích:

Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. (1.1.01- Quyết định số 344/QĐ-CDNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CDNTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo).

Nhận định:

Chương trình đào tạo đã được phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. Trong chương trình đào tạo, chương trình khung và chương trình chi tiết các mô-đun, môn học đã thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất (1.1.01- Quyết định số 344/QĐ-CDNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CDNTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo). Để có đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát,

điều chỉnh, bổ sung. (Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. Chương trình đào tạo, chương trình khung, chương trình chi tiết thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. (1.1.01- Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. Khi xây dựng chương trình đào tạo ban xây dựng chương trình luôn tính đến việc đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. (1.1.01- Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. Trong khi xây dựng chương trình ban xây dựng luôn đảm bảo tính 2 trong 1 của chương trình liên thông từ trung cấp nên Cao Đẳng của chương trình giáo dục nghề nghiệp (1.1.01- Quyết định số 344/QĐ-CDNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CDNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo).

Chương trình đảm bảo các nội dung

- Nội dung liên thông của chương trình.
- Thỏa thuận/văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường
- CTĐT liên thông trình độ đại học của cơ sở giáo dục đại học.
- Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học CTĐT liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình là một trong những yếu tố góp phần vào bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, Nhà trường đã có Kế hoạch biên soạn giáo trình mô-đun, môn học cho chương trình giáo dục nghề nghiệp. Hiện tại nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí đang sử dụng bộ giáo trình cũ theo chương trình Cao đẳng nghề và đang lên kế hoạch cập nhật, biên soạn giáo trình theo chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, do vậy đơn vị có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Hiện nay, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có đủ giáo trình cho các mô-đun môn học trong chương trình hệ Cao đẳng trường đang đào tạo (4.9.1 Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT). Giáo trình trường đang sử dụng đều do giáo viên của trường tự biên tập, được hội đồng nghiệm thu nhà trường nghiệm thu (4.9.02. Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT; - Phiếu nhận xét góp ý giáo trình), được hiệu trưởng ra quyết định ban hành sử dụng trong toàn trường (4.9.03. - Quyết định ban hành giáo trình lưu hành nội bộ – Giáo trình kèm theo; - Thống kê giáo trình các mô-đun, môn học theo chương trình dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp; 4.9.04 - Danh mục các giáo trình được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và học tập).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có Quy định đầy đủ về việc tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định theo quy định. Trường thực hiện biên soạn giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cụ thể như sau: Căn cứ vào kế hoạch hoạch rà soát - Kế hoạch xây dựng, rà soát, bổ sung điều chỉnh giáo trình dạy nghề, bộ phận chủ trì lãnh đạo ra quyết định thành lập các ban chuẩn bị công tác xây dựng giáo trình (4.10.01 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình của Hiệu trưởng Trường CĐNKTCN*; 4.10.02 - *Danh sách thống kê giáo trình được lựa chọn cho từng môn học của các chương trình đào tạo*), cho các khoa đăng ký thống nhất số lượng mô đun, môn học biên soạn trong năm và tiến hành biên soạn, khoa thống nhất nội dung trình hội đồng nhà trường nghiệm thu (4.10.03 - *Biên bản lựa chọn giáo trình, tài liệu học tập của các khoa*), các tiểu ban xây dựng tiếp tục chỉnh sửa theo góp ý của hội đồng, trình hiệu trưởng ra quyết định ban hành sử dụng trong toàn trường (4.10.04 - *Quyết định Số 248a/QĐ-CĐNKTCN ngày 17/9/2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về việc ban hành giáo trình – Giáo trình kèm, 4.10.05 – Thống kê Danh mục các giáo trình của nhà trường Giáo trình kèm theo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường và khoa Điện tử - Điện lạnh đã có sự gắn kết với các doanh nghiệp trên địa bàn trường đóng tuy nhiên vẫn còn chưa chặt chẽ. Trong những năm qua ngoài việc kết hợp đào tạo theo đơn đặt hàng của các công ty nhà trường đã dần có chuyển biến tích cực về việc khảo sát lấy ý kiến của người sử dụng lao động và HSSV tốt nghiệp đi làm về chương trình dạy nghề của trường. Giáo trình là một trong những yếu tố góp phần vào bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, Nhà trường đã quyết định ban hành giáo trình môn học, mô đun. (4.9.03. - *Quyết định ban hành giáo trình lưu hành nội bộ – Giáo trình kèm theo*) và đã được thẩm định (4.11.01. *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình của Hiệu trưởng Trường CĐNKTCN*; 4.11.02. *Thống kê Danh mục các giáo trình của nhà trường*)

Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã bổ xung chỉnh sửa lại một số nội dung trong giáo trình cho phù hợp với tên chương trình môn học, mô đun bắt đầu bằng động từ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đã có một số văn bản quy định về việc định kỳ tổ chức, rà soát, điều chỉnh, bổ sung giáo trình khi chương trình dạy nghề sửa đổi, bổ sung hoặc khi có công nghệ mới và tiến hành khảo sát người sử dụng lao động, người đã tốt nghiệp về sự phù hợp của giáo trình và tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung nội dung giáo trình cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. (4.9.03. - *Quyết định Số 248a/QĐ-CDNKTCN ngày 17/9/2019 của Hiệu trưởng*

Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về việc ban hành giáo trình – Giáo trình kèm theo)

Bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã bổ xung chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu

Nhà trường được Bộ LĐ-TB&XH đầu tư xây dựng cơ bản khá tốt; có tương đối đầy đủ cơ sở vật chất, máy, trang thiết bị đồ dùng dạy học và thư viện điện tử đáp ứng được nhu cầu đào tạo. Riêng Khoa Điện tử - Điện lạnh có 8 xưởng thực hành và các phòng học chung lý thuyết. Công tác quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định. Sử dụng tối ưu các hạng mục công trình, máy móc, trang thiết bị dạy học.

** Những điểm mạnh:*

Trường nhận được sự quan tâm, đầu tư của Bộ LĐ-TB&XH, về đầu tư trang thiết bị mới, về công tác du tu bảo dưỡng các công trình đã xuống cấp, xây mới nhiều công trình phục vụ cho đào tạo.

Bộ LĐ-TB&XH và Nhà trường đặt đầu tư trang thiết bị là ưu tiên hàng đầu, hàng năm bổ xung thêm nhiều trang thiết bị mới phục vụ đào tạo đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, bắt kịp với tiến bộ khoa học.

Bên cạnh đó công tác quản lý sử dụng, sửa chữa và bảo dưỡng được theo dõi sát sao, thiết bị được bảo dưỡng định kỳ hàng năm vào dịp nghỉ hè không làm ảnh hưởng đến tiến độ đào tạo của trường.

Công tác bảo dưỡng Trường thực hiện thường xuyên và định kỳ.

** Những tồn tại:*

Hầu hết các môn học/ mô đun chuyên ngành đều áp dụng phương pháp giảng dạy tích hợp, cần phải có phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Số lượng một số thiết bị, dụng cụ theo Thông tư số 06 /2015/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 chưa đầy đủ.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường có kế hoạch đầu tư cho nghề.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐN Kỹ thuật công nghệ là trường trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trường được Bộ đầu tư cơ sở vật chất với hệ thống phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành rất đồng bộ (5.1.01 - *Bảng quy hoạch tổng thể mặt bằng trường khu A và khu B*). Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí là nghề được lựa chọn nghề quy hoạch đầu tư tiếp cận trình độ khu vực, nghề được bố trí với hệ thống xưởng thực hành rất hiện đại và đã được chuyên môn hóa đảm bảo đạt các tiêu chuẩn quy định, các môn học lý thuyết được học chung tại khu giảng đường 5 tầng của trường (5.1.02 - *Thống kê số lượng phòng học và diện tích các công trình phục vụ đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2017, 2018, 2019; 5.1.03 - Bản thiết kế các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành*). Qua số liệu thiết kế các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành của nghề đều đảm bảo diện tích lớn hơn diện tích tối thiểu (52,5 m² đối với phòng học lý thuyết và 72 m² đối với xưởng thực hành).

Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa. Thiết bị phục vụ chương trình đào tạo được Khoa Điện tử - Điện lạnh quản lý đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Danh mục thiết bị đào tạo được lưu trữ ở dạng thẻ tài sản (5.1.04- *Thẻ tài sản tại Khoa Điện tử - Điện lạnh*)

Báo cáo/văn bản của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm, ý kiến của các đối tượng có liên quan. Hàng năm nhà Trường chưa có các báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của các CTĐT cho cơ quan chủ quản để đề xuất đáp ứng tốt và đủ chương trình đào tạo,

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đủ chủng loại thiết bị dạy nghề theo quy định về danh mục thiết bị dạy nghề của nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (5.2.01- *Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020*)

Tính đến thời điểm báo cáo tự kiểm định nghề Nhà trường đã bổ sung tương đối đủ chủng loại thiết bị đào tạo theo quy định về danh mục thiết bị dạy nghề của nghề đào tạo trọng điểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. (5.2.02- *Danh mục thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đầu tư năm 2020*). So sánh, đối chiếu với danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2015/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì thiết bị của Khoa điện tử - Điện lạnh đáp ứng được yêu cầu.

Phòng thực tập sản xuất của trường thực hiện quản lý cơ sở vật chất thiết bị trong toàn trường. Trong những năm qua phòng luôn phối hợp chặt chẽ hiệu quả với khoa chuyên môn nhằm kiểm tra, bảo dưỡng khắc phục sự cố để đảm bảo điều kiện dạy và học (5.2.03 - *Báo cáo theo dõi tài sản cố định*)

Hàng năm Trường thành lập ban thanh lý tài sản để thanh kiểm tra lại toàn bộ thiết bị hiện có trong khoa; từ đó Phòng TTSX tham mưu với Lãnh đạo trường xử lý xử lý các tài sản hư hỏng, thiếu hụt... (5.2.04-*Biên bản kiểm kê tài sản*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có các xưởng thực hành cho từng nghề đào tạo, trong đó mỗi khoa phụ trách một số xưởng chuyên môn. Các phòng thực hành có đủ số lượng thiết bị dạy nghề phù hợp với quy mô đào tạo (5.2.01- *Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020*). Danh mục, số lượng thiết bị đào tạo theo chủng loại đáp ứng được yêu cầu đã được xác định trong Chương trình đào tạo và quy mô đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí..

Phòng thực tập sản xuất của trường thực hiện quản lý cơ sở vật chất thiết bị trong toàn trường. Trong những năm qua phòng luôn phối hợp chặt chẽ hiệu quả với các khoa chuyên môn nhằm kiểm tra, bảo dưỡng khắc phục sự cố để đảm bảo điều kiện dạy và học (5.2.03 - *Báo cáo theo dõi tài sản cố định*)

Tuy nhiên Một số thiết bị chưa đáp ứng về số lượng như (Mô đun Lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Lắp đặt, vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị dạy nghề được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hoạt động dạy và học (5.4.01 – Các Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị tại xưởng thực hành); (5.4.02 – Các Sơ đồ lắp đặt máy và đường điện trong xưởng thực hành). Các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, học sinh, sinh viên về việc bố trí các thiết bị dạy nghề điện tử của Trường là hợp lý, an toàn và thuận tiện. Từ trước tới nay chưa có sự cố về con người và thiết bị.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo. Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo được lưu trữ tại phòng TTSX (5.5.01-*Định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu*)

Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo được lưu tại Khoa Điện tử công nghiệp. (5.5.02-*Quy định cấp phát vật tư*)

Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện CTĐT. Giáo viên giảng dạy môn học, mô đun đề xuất nhu cầu sử dụng vật tư được chuyển cho Phòng TTSX để cấp phát (5.5.03 –*Nhu cầu cung cấp vật tư*).

Văn bản/tài liệu thể hiện công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm..

Văn bản/tài liệu thể hiện thực hiện đúng định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo

Ý kiến của các đối tượng có liên quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/ người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện nhà trường được quy hoạch, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định tổ chức và hoạt động của thư viện (5.6.01-*Quy định chức năng, nhiệm vụ của thư viện*). Thư viện có đủ giáo trình, mỗi loại giáo trình đảm bảo 5 bản hoặc có đủ số lượng và hình thức phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của giáo viên và người học (5.6.02- *Bản kê sách và tài liệu tham khảo*; 5.6.03-*Danh mục, số lượng giáo trình tại thư viện*; 5.6.04- *Bảng tra cứu tài liệu*; *Phích mô tả*; 5.6.05-*Danh mục giáo trình các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo*)

Thư viện Nhà trường sẽ đáp ứng đủ nhu cầu tra cứu tài liệu (giáo trình và tài liệu tham khảo) cho cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện. Để phục vụ cho nhu cầu học tập nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và HSSV, nhà trường đã tin học hóa thư viện. Năm 2019, hiện nay thư viện có nhiều máy tính, đủ bàn ghế đọc cho học sinh, sinh viên nghiên cứu tài liệu, nhiều giá sách lớn và có đầy đủ bàn ghế học sinh để phục vụ cho nhu cầu tra cứu tài liệu của giáo viên, học sinh, sinh viên (5.7.01- *Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện*).

Hiện nay hệ thống Internet và mạng LAN và phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu của thư viện đang dần đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

Ý kiến của các đối tượng có liên quan: Hàng năm, thư viện nhà trường chưa có báo cáo kết quả thực hiện đánh giá các hoạt động của thư viện, trong đó có thống kê số lượt người đọc, truy cập tài liệu đã được giới thiệu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua kiểm tra thiết bị dạy học của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí của trường về cơ bản đã đảm bảo theo yêu cầu. Đã có hơn 50% số môn học/mô đun có phần mềm mô phỏng

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác học sinh sinh viên của trường, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhất để HSSV nhà trường học tập và rèn luyện trong quá trình học tập tại trường. Trường có ký túc xá hiện đại khép kín đủ chỗ cho hơn 1000 học sinh – sinh viên, với công trình khép kín các phòng có hệ thống điện nước thuận tiện, nhà trường miễn tiền ở ký túc cho toàn bộ học sinh sinh viên, HSSV chỉ trả tiền điện, tiền nước theo giá nhà nước quy định. Nhà trường có căng tin và các hệ thống cửa hàng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của sinh viên, có hệ thống thi đấu thể thao đáp ứng nhu cầu tập thể dục của HSSV ở nội trú.

** Những điểm mạnh:*

Trường có Phòng Công tác HSSV tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, giáo dục HSSV. Hệ thống các văn bản đầy đủ, tạo cơ sở thuận lợi cho việc thực hiện các nội dung công tác HSSV theo quy chế.

HSSV là đối tượng trung tâm trong Nhà trường. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để HSSV học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động phong trào.

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, đảm bảo quyền lợi cho người học theo quy định. Các giấy tờ xác nhận để được vay vốn, tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, mua vé xe bus ưu tiên, hưởng chế độ ưu đãi tại địa phương... được Phòng CTHSSV giải quyết nhanh chóng, tạo điều kiện tốt nhất cho HSSV.

HSSV được được cung cấp đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ trong quá trình học tập, sinh hoạt tại Trường. Nhà trường có căng tin rộng rãi, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. KTX được thiết kế hiện đại, có khu vui chơi thể thao và phòng sinh hoạt văn hóa, HSSV được miễn tiền ở và chỉ phải trả tiền điện nước theo thực tế sử dụng. Ngoài ra, Nhà trường luôn quan tâm đến thư viện để đáp ứng nhu cầu cung cấp tài liệu cho người học. Các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp luôn được coi trọng nhằm giúp các em xác định động cơ học tập đúng đắn để phấn đấu.

Trường luôn chú trọng đến các hoạt động liên kết đào tạo giữa Nhà trường- Doanh nghiệp, gắn công tác đào tạo của Trường với nhu cầu thực tiễn của xã hội. Trường thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn để liên hệ thực tập, tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp - việc làm”... cho HSSV.

Hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm trên. Nhiều HSSV tìm được việc làm ngay tại các địa chỉ nơi thực tập, thông qua các “Hội nghị hướng nghiệp - việc làm”, thông qua tuyển dụng của doanh nghiệp ngay tại “ Lễ bế giảng khóa học”.

* *Những tồn tại:*

Sân bóng đá hiện tại có nền chưa đảm bảo (sân cát) cần được cải tạo để HSSV có điều kiện tốt hơn vui chơi thể thao.

Cần có nhiều hơn các hoạt động ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường xây dựng phương án cải tạo sân chơi bóng đá tại khu KTX để HSSV có điều kiện tốt hơn luyện tập thể dục thể thao, vui chơi bổ ích sau những giờ học tập trên lớp.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động ngoại khóa cụ thể và chi tiết.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường quy định việc cung cấp thông tin cần thiết cho HSSV học tập tại trường thuộc phòng công tác học sinh sinh viên, chức năng nhiệm vụ phòng quy định rõ việc hàng năm phòng phải cung cấp thông tin tới người học (6.1.01 - Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị).

Để đón tiếp HSSV khóa mới nhập học, Nhà trường xây dựng kế hoạch đón tiếp HSSV và giáo dục đầu khóa. Trong chương trình giáo dục đầu khóa, Trường cung cấp đầy đủ cho HSSV các thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong hệ dạy nghề chính quy, các quy định khác liên quan đến học tập, rèn luyện, chế độ chính sách của HSSV trong quá trình học tập tại Trường sau này. Cũng trong những buổi học giáo dục đầu khóa, HSSV còn được phân chia theo các ngành nghề đăng ký học. Các khoa chuyên môn tổ chức gặp gỡ HSSV, cung cấp thông tin về ngành học, các yêu cầu chuyên môn cần đạt được của khóa học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp để định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho các em xác định động cơ học tập, phấn đấu sau này (6.1.02 - Kế hoạch đón tiếp học sinh, sinh viên nhập học; Nội dung chương trình giáo dục đầu khóa năm 2018, 2019, 2020, 2021).

Kết thúc chương trình giáo dục đầu khóa, HSSV viết bài thu hoạch với các thông tin đã thu nhận được (6.1.03 - *Bài thu hoạch của học sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Để thuận tiện cho HSSV tìm hiểu thông tin về Nhà trường cũng như các thông tin về chương trình đào tạo của khóa học, Nhà trường cập nhật các nội dung trên website của Trường theo địa chỉ: www.httc.edu.vn (6.1.04 - *Website của Trường (www.httc.edu.vn)*).

Như vậy, HSSV được cung cấp một cách đầy đủ các thông tin cần thiết về chương trình đào tạo của khóa học ngay từ khi nhập học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước, Phòng Công tác HSSV tổng hợp thành văn bản “Hướng dẫn chế độ chính sách theo năm học” để triển khai đến từng lớp học sinh chế độ chính sách như chế độ học bổng, khen thưởng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, vay vốn đi học theo Chương trình 157 của Chính phủ ... (6.2.01-*Hướng dẫn chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021*). Đối với HSSV khóa mới, các em được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về chế độ chính sách ngay từ đợt học tập giáo dục đầu khóa. Ngoài ra, Phòng Công tác học sinh sinh viên thường xuyên cập nhật, phổ biến chế độ chính sách liên quan đến HSSV trong các buổi sinh hoạt toàn trường đầu tháng để các em được cung cấp thông tin kịp thời, đảm bảo đầy đủ quyền lợi theo quy định.

Phòng Công tác HSSV chịu trách nhiệm thu nhận các giấy tờ, hồ sơ chế độ chính sách của HSSV trình Lãnh đạo Nhà trường xem xét, giải quyết, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các em theo quy định hiện hành (6.2.02 - *Quyết định về việc miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 6.2.03 - *Quyết định về cấp học bổng và phần thưởng khuyến khích học nghề, khen thưởng đối với học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 6.2.03 *Sổ theo dõi xác nhận giấy tờ của học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Như vậy, Trường luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với HSSV như miễn giảm học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề, miễn giảm cho học sinh nghèo, HSSV là dân tộc, vùng cao... theo quy định của nhà nước và quy định của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm gắn kết nhà trường và doanh nghiệp, năm 2011 trường đã thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp là phòng chuyên môn chịu trách nhiệm hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp phối hợp đào tạo (6.3.01 - *Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp*; 6.3.02 - *Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp*). Phòng Quan hệ doanh nghiệp phân công cán bộ tìm kiếm hợp tác với các doanh nghiệp, tìm kiếm thông tin thị trường lao động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên (6.3.03 - *Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm*).

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV thường xuyên được cung cấp thông tin về thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm miễn phí. Các doanh nghiệp trên địa bàn thường xuyên liên lạc cộng tác với Nhà trường tuyển dụng lao động. Trường phổ biến thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp đến các Phòng, Khoa, các lớp học sinh sinh viên, dán bảng tin (hàng tháng)... đồng thời cán bộ Phòng QHDN, Phòng CTHSSV luôn sẵn sàng tư vấn, giới thiệu cho HSSV tìm hiểu thông tin tuyển dụng (6.3.04 - *Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 6.3.05 - *Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp*; 6.3.06 - *Báo cáo tổng kết năm học Phòng QHDN, Phòng CTHSSV năm 2018, 2019, 2020, 2021*). Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho HSSV trên website của Trường theo địa chỉ: www.httc.edu.vn.

Nhằm tạo điều kiện cho HSSV an tâm khi tham gia học tập tại Trường, hàng năm Phòng QHDN tiến hành khảo sát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp để gửi HSSV đến thực tập, đồng thời phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm” tại Trường, tổ chức cho doanh nghiệp trực tiếp tuyển dụng HSSV mới tốt nghiệp tại các “Lễ bế giảng khóa học” (6.3.07- *Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 6.3.08- *Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, Phòng QHDN đều có kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV (6.3.09-*Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp; Phòng Công tác HSSV*).

Thông qua các hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm của Nhà trường. Một số HSSV tìm được việc làm ngay tại các địa chỉ thực tập hoặc thông qua các “Hội nghị hướng nghiệp việc làm”, tuyển dụng của doanh nghiệp tại “Lễ bế giảng” khóa học của Trường

Kết thúc năm học, phòng Quan hệ doanh nghiệp và phòng Công tác học sinh đều đánh giá tổng kết công tác của phòng trong năm học trong đó có giá đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên trong năm. Từ đó phòng quan hệ doanh nghiệp và phòng công tác học sinh đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ cho năm học tiếp theo

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Vào đầu năm học, Phòng Công tác HSSV xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa tổng thể của một năm học. Căn cứ vào kế hoạch tổng thể đó, Phòng phối hợp với Đoàn TNCSHCM tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa khác chào mừng các ngày Lễ lớn, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho HSSV sau những giờ học.

Nhà trường luôn tạo điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động thể thao như Giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, thi chạy, kéo co... Qua đó, HSSV được luyện tập thể thao, rèn luyện sức khỏe để hăng say học tập. (6.4.01 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động thể thao năm 2018, 2019, 2020, 2021).

Nhằm phát động phong trào thi đua học tập và rèn luyện, không để các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường. Phòng Công tác HSSV tổ chức các hoạt động như: “Phong trào thi đua học tập và rèn luyện”, “Đêm văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”, “Thi tìm hiểu Luật an toàn giao thông đường bộ”, thành lập “Phòng sinh hoạt văn hóa” và tổ chức sinh hoạt “Câu lạc bộ phòng tránh lây truyền HIV/AIDS trong nam HSSV” tại KTX, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa như (6.4.02 - Kế hoạch thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam);

Có thể khẳng định: HSSV Nhà trường luôn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, bảo vệ môi trường nhằm phát triển con người toàn diện, đáp ứng mục tiêu đào tạo của Nhà trường

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã khẳng định việc đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy là một trong các yếu tố quan trọng để đáp ứng yêu cầu học tập của người học là nhiệm vụ trọng tâm và được triển khai trong kế hoạch hàng năm. Đồng thời, để đánh giá kế hoạch đào tạo, trường có giao phòng Đảm Bảo Chất Lượng lấy ý kiến đánh giá của giáo viên, học sinh. Qua đó, nhà trường có phương án điều chỉnh chương trình, nâng cao hiệu quả của các hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với doanh nghiệp.

Biểu mẫu đánh giá xây dựng khoa học, ngắn gọn, khoa học, giúp doanh nghiệp đánh giá thuận tiện.

** Những tồn tại:*

Chưa thống kê được đầy đủ việc thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đã giao phòng quan hệ doanh nghiệp tiến hành xây dựng kế hoạch/ phương án thu thập ý kiến, có sự đánh giá, nhận xét của doanh nghiệp có học sinh làm việc sau tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. (7.1.01 – *Kế hoạch thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Trong quá trình thực hiện thu thập ý kiến đánh giá của doanh nghiệp có HSSV nhà trường làm việc, phòng quan hệ doanh nghiệp đã lập danh sách các doanh nghiệp được khảo sát, ngành nghề hoạt động và số lượng HSSV làm việc tại doanh nghiệp. Sau khi thu thập, phòng quan hệ doanh nghiệp đều lưu lại danh sách với đầy đủ thông tin về doanh nghiệp. (7.1.02 – *Danh sách doanh nghiệp khảo sát năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Phòng quan hệ doanh nghiệp đã gửi phiếu khảo sát đến doanh nghiệp dựa trên số lượng HSSV làm việc tại doanh nghiệp để đánh giá đúng trình độ của người học sau khi tốt nghiệp cũng như đưa ra các giải pháp điều chỉnh nhằm đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu của thực tế sản xuất. Phương pháp này thực hiện một cách nhanh chóng, không mất nhiều thời gian, dễ tổng hợp đối với cán bộ đi khảo sát và đối tượng khảo sát, đồng thời cũng dễ dàng cho việc lưu trữ. (7.1.03 – *Phiếu khảo sát HSSV làm việc tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Qua số liệu thu thập được, Phòng đảm bảo chất lượng tiến hành phân tích, tổng hợp và báo cáo. Từ đó lấy làm cơ sở để nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo, nâng cao phương thức giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cho HSSV nhằm đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động. (7.1.04 – *Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Nhà trường đã thống kê được đầy đủ việc thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi HSSV tốt nghiệp ra trường và đi làm việc tại các doanh nghiệp. Nhà trường chưa thực hiện điều tra lần vết thông tin của HSSV về nơi làm việc, công việc đang đảm nhiệm, vị trí làm việc... Để từ đó đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vai trò, vị trí việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường.

Phòng công tác HSSV lập kế hoạch điều tra lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp (7.2.01 – *Kế hoạch điều tra lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp*) và kết hợp với giáo viên chủ nhiệm thực hiện điều tra.

Phòng công tác HSSV xây dựng phiếu khảo sát phục vụ cho quá trình điều tra lần vết. Cán bộ phòng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào phiếu khảo sát đó để thực hiện quá trình điều tra. (7.2.02 – *Bảng khảo sát thông tin việc làm sau khi tốt nghiệp*). Bên cạnh đó nhà trường còn thực hiện gọi điện thoại, hoặc chụp phiếu khảo sát gửi HSSV qua facebook, zalo... (áp dụng với trường hợp HSSV làm việc tại cơ sở sản xuất xa trường) để tiến hành lấy kết quả điều tra.

Sau đó, căn cứ vào kế hoạch, bảng khảo sát nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Định kỳ hàng năm, Nhà trường và các khoa vẫn lập kế hoạch/ phương án thu thập ý kiến tối thiểu của 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, bồi dưỡng và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, tinh thần làm việc của mỗi cá nhân. (7.3.01-*Kế hoạch thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ*).

Danh sách thu thập ý kiến hàng năm trên cơ sở lựa chọn ngẫu nhiên 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Danh sách này được phân đều cho phòng khoa, trung tâm... (7.3.02 - *Danh sách thu thập ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động 2018, 2019, 2020, 2021*). Quá trình này thực hiện trên phiếu khảo sát ý kiến đối với cán bộ quản lý, viên chức và người lao động do phòng đảm bảo chất lượng xây dựng và áp dụng trong toàn trường. (7.3.03 – *Phiếu khảo sát ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Sau khi thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018. Phòng đảm bảo chất lượng sẽ tiến hành xử lý, phân tích số liệu và lập báo cáo tổng hợp để căn cứ vào đó có phương hướng điều chỉnh kịp thời các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. (7.3.04 – *Báo cáo khảo sát ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua trường đã thực hiện những hình thức và phương pháp tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học như đào tạo theo nhu cầu người học, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo theo đơn đặt hàng

Nhằm đánh giá về hình thức và phương pháp tổ chức đào tạo của trường. Hàng năm, dựa vào số lượng học sinh nhập học. (7.4.01 – *Danh sách HSSV đang học tại trường*). Nhà trường lấy ý kiến đánh giá của 30% học sinh về hình thức và phương pháp tổ chức đào tạo (7.4.02 – *Danh sách HSSV khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021*). Trường xây dựng kế hoạch và tiến hành khảo sát lấy ý kiến của HSSV nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí bằng phiếu hỏi (7.4.03 - *Kế hoạch khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021*). Đa số ý kiến HSSV nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí hài lòng về hình thức và phương pháp mà trường đang tổ chức đào tạo, (7.4.04 - *Phiếu khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Sau quá trình khảo sát, nhà trường đều đánh giá việc tổ chức đào tạo nghề của trường trên cơ sở tự đánh giá (báo cáo) của các khoa chuyên môn nhằm rút kinh nghiệm và đề ra các phương pháp tổ chức đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu người học. Qua việc tổng kết đánh giá, đa số cán bộ giáo viên và HSSV đều hài lòng về hình thức và phương pháp tổ chức đào tạo của trường đang thực hiện. (7.4.05 – *Báo cáo khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi tổ chức tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, rà soát điều chỉnh chương trình dạy nghề, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thì đội ngũ cán bộ giáo viên của nghề tham gia xây dựng rất đông đạt tỷ lệ 100% tham gia góp ý. (7.5.01- *Quyết định thành lập ban xây dựng chương trình dạy nghề*);

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch về tổ chức rà soát và điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề theo quy định của trường. Phòng đào tạo đơn vị chủ trì, kết thúc năm học, phòng đào tạo xây dựng kế hoạch rà soát lại toàn bộ chương trình dạy nghề trong đó có nghề Kỹ thuật máy

lạnh và điều hòa không khí (7.5.02- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung chương trình dạy nghề năm 2018, 2019, 2020, 2021*) và tổ chức rà soát, có báo cáo về việc bổ sung, cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan chương trình dạy nghề theo kế hoạch (7.5.03 - *Báo cáo rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề cần điều chỉnh theo kế hoạch năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 7.5.04 -*Quyết định ban hành chương trình dạy nghề, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường, Khoa Điện tử - Điện lạnh, phòng đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch áp dụng phương pháp dạy học tích cực cho toàn bộ các khoa chuyên môn trong trường, tổ chức tập huấn cho giáo viên trong toàn trường và thống nhất những phương pháp giảng dạy phù hợp theo nghề đào tạo (7.6.01 - *Kế hoạch áp dụng phương pháp dạy học tích cực*). Khoa ĐT-ĐL đã và đang thực hiện nhiều phương pháp dạy học khác nhau đặc biệt chú trọng đến các phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu của HSSV như dạy tích hợp, hướng dẫn luyện tập theo nhóm... (7.6.02 – *Hồ sơ bài giảng của giáo viên khoa ĐT-ĐL năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức hội giảng cấp khoa, trường và giáo viên tham gia hội giảng các cấp như thành phố, quốc gia..., khoa ĐT-ĐL cũng tiến hành dự giờ các giáo viên có giờ lên lớp nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, chất lượng đào tạo của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng công tác HSSV chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi HSSV sau khi tốt nghiệp. Hàng năm căn cứ vào số lượng học sinh sinh viên tốt nghiệp các nghề (7.7.01 – *Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*). Phòng công tác HSSV lập kế hoạch khảo sát HSSV (7.7.02 – *Kế hoạch khảo sát HSSV tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*), xây dựng phiếu khảo sát, thu thập thông tin và khảo sát tỷ lệ HSSV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp (7.7.03 – *Phiếu khảo sát HSSV sau tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*) và triển khai bằng hình thức

gọi điện thoại, gửi thư tới HSSV tốt nghiệp. Kết quả tổng hợp cho thấy Tỷ lệ HSSV có việc làm đúng nghề được đào tạo trong thời gian 6 tháng sau khi tốt nghiệp đạt từ 80% trở lên (7.7.04 - *Thông tin việc làm của HSSV đã tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*) Sau khi thực hiện điều tra xong, giáo viên chủ nhiệm, phòng công tác HSSV căn cứ vào số liệu điều tra lần vết HSSV sẽ tổng hợp báo cáo nộp nhà trường. (7.7.05 – *Báo cáo khảo sát HSSV sau tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đã giao phòng quan hệ doanh nghiệp tiến hành xây dựng kế hoạch/ phương án thu thập ý kiến, có sự đánh giá, nhận xét của doanh nghiệp có học sinh làm việc sau tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. (7.8.01 – *Kế hoạch thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Trong quá trình thực hiện thu thập ý kiến đánh giá của doanh nghiệp có HSSV nhà trường làm việc, phòng quan hệ doanh nghiệp đã lập danh sách các doanh nghiệp được khảo sát, ngành nghề hoạt động và số lượng HSSV làm việc tại doanh nghiệp. Sau khi thu thập, phòng quan hệ doanh nghiệp đều lưu lại danh sách với đầy đủ thông tin về doanh nghiệp. (7.8.02 – *Danh sách doanh nghiệp khảo sát năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Phòng quan hệ doanh nghiệp đã gửi phiếu khảo sát đến doanh nghiệp dựa trên số lượng HSSV làm việc tại doanh nghiệp để đánh giá đúng trình độ của người học sau khi tốt nghiệp cũng như đưa ra các giải pháp điều chỉnh nhằm đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu của thực tế sản xuất. Phương pháp này thực hiện một cách nhanh chóng, không mất nhiều thời gian, dễ tổng hợp đối với cán bộ đi khảo sát và đối tượng khảo sát, đồng thời cũng dễ dàng cho việc lưu trữ. (7.8.03 – *Phiếu khảo sát HSSV làm việc tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Qua số liệu thu thập được, Phòng đảm bảo chất lượng tiến hành phân tích, tổng hợp và báo cáo. Từ đó lấy làm cơ sở để nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo, nâng cao phương thức giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cho HSSV nhằm đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động. (7.8.04 – *Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Trong những năm tới áp dụng phần mềm chuyên dụng vào quản lý quá trình học tập của HSSV trong toà trường.
- Số giáo viên cơ hữu của khoa đảm nhận giảng dạy các môn học chuyên ngành còn ít chưa tham gia nghiên cứu khoa học, hội thi thiết bị tự làm các cấp.
- Nội dung giáo trình của một số kỹ năng chưa phù hợp
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao hơn nữa trình độ của giáo viên, cán bộ quản lý nhằm phù hợp với xu thế quốc tế hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề cho giáo viên.
- Hàng năm, trường cần rà soát biên soạn giáo trình trong năm tới.
- Trong những năm tới, trường cần rà soát đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng sự thay đổi cập nhật của chương trình đào tạo.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- 1, Đầu tư bổ sung phần mềm ảo mô phỏng, thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.
- 2, Tuyển dụng giảng viên cơ hữu chuyên ngành đào tạo.
- 3, Lập kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị
- 4, Lập kế hoạch thường xuyên và đột xuất kiểm tra việc thực hiện chương trình đào tạo để kịp thời khắc phục cho phù hợp;
- 5, Cam kết đầu ra đối với người học, luôn gắn kết với doanh nghiệp;
- 6, Coi trọng yếu tố đảm bảo chất lượng bằng cách theo dõi đánh giá người học, người dạy theo từng tháng có xếp loại tránh hình thức.

Nhà trường chỉ đạo tiếp tục triển khai theo cả chiều sâu và chiều rộng về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Tập trung đánh giá nhân mạnh vào khâu chất lượng giáo viên, quy trình quản lý và cán bộ quản lý.

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Số: MB/QĐ-CDNKTCN

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Căn cứ quyết định số 1983/QĐ-BLDTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLDTBXH ngày 15/12/2017 về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BLDTBXH ngày 25/12/2018 về việc quy định quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL ngày 23/6/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 4034/SLDTBXH-DN ngày 12/7/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022 theo quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, gồm:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, trình độ cao đẳng, năm 2022;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022 và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng, năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng, khoa, đơn vị có liên quan và các Ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Văn thư, ĐBCL.



Đặng An Bình



DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐHKK, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, NĂM 2022
Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-CĐNKTCN ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Ông Đặng An Bình	- Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Chu Đức Khoan	Trưởng khoa ĐT-ĐL	Phó Chủ tịch
3.	Ông Lê Văn Dũng	Giảng-viên-nghề ĐT-ĐL	Ủy viên thư ký
4.	Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Công Hùng	Phụ trách phòng ĐBCL	Ủy viên
6.	Bà Phạm Thị Mai Hương	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Ông Phạm Kim Thu	Trưởng phòng TTSX&DV	Ủy viên
8.	Ông Phạm Minh Vỹ	Phó Trưởng khoa ĐT-ĐL	Ủy viên
9.	Ông Trần Ích Bảo	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên
10.	Ông Nguyễn Văn Tùng	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên
11.	Bà Nguyễn Thị Hải	Giảng viên nghề ĐT-ĐL	Ủy viên
12.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Giám đốc Công ty CP Cơ điện lạnh Đông Anh	Ủy viên
13.	Ông Lê Hồng Ngọc	Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty CP Đầu tư quốc tế Hoàng Gia ABS	Ủy viên

(Danh sách này có 13 thành viên)

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Số: 44/KH-HĐTĐGCTĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, trình độ cao đẳng-Năm 2022

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển đào tạo nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Hà Nội và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ Cao đẳng

- Phân công Khoa Điện tử-Điện lạnh chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường.

4.2. Đối với Khoa Điện tử-Điện lạnh

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng của đơn vị theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng họp thông qua.

4.3. Đối với các Phòng, Khoa trong Nhà trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho Khoa Điện tử-Điện lạnh tổng hợp.

5. Phân công các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp cung cấp số liệu và minh chứng
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	

TH
7
CAC
C
B

2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
II Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
III Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
IV Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo

V Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo
VI Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
VII Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng ĐBCL
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng ĐBCL
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Điện tử-Điện lạnh	- Phòng CTHS-SV

6. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc thực hiện
Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 19/5/2022	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ Trung cấp năm 2022 và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.
Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 30/6/2022	Thu thập thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 10/07/2022	Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng.
Từ ngày 11/07/2022	Tổng hợp Dự thảo báo cáo và gửi các thành viên Hội đồng và

đến ngày 20/07/2022	các đơn vị xin ý kiến góp ý.
Từ ngày 21/07/2022 đến ngày 30/07/2022	Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo báo cáo
Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 04/08/2022	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh giá chất lượng.
Từ ngày 05/08/2022 đến ngày 17/08/2022	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.
Từ ngày 18/08/2022 đến ngày 25/08/2022	Gửi báo cáo tự đánh giá về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.
Từ ngày 26/08/2022 đến ngày 05/09/2022	Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện đánh giá ngoài.
Từ ngày 13/9/2022 đến ngày 17/9/2022	Thực hiện đánh giá ngoài.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022 từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí trình độ cao đẳng, năm 2022. Đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH (để báo cáo);
- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- Hội đồng TĐGCLCTĐT (để t/h);
- Các phòng, khoa chuyên môn (để t/h);
- Lưu: VT; P.ĐBCL.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



* **Đặng An Bình**

3. Bảng mã minh chứng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
2			1.1.02		Quyết định số 1591/2009/QĐ-LĐTBXH về việc phê duyệt Mục tiêu nhiệm vụ trường
3			1.1.03		Quyết định số 1488/QĐ-LĐTBXH ngày 15/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (có đề án kèm theo
4			1.1.04		Quyết định số 222/QĐ-TTg, ngày 22/02/2012, phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế Hà nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050
5			1.1.05		Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 V/v phê duyệt ngành nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025

6			1.1.06	http://www.httc.edu.vn
7	1	2	1.2.01	Tiến độ và khối lượng đào tạo học kỳ và năm học
8			1.2.02	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 khoa Điện tử - Điện lạnh
9			1.2.03	Báo cáo tổng kết năm 2018, 2019, 2020 của Trường
10			1.2.04	Quyết định khen thưởng năm học cho khoa Điện tử - Điện lạnh
11	1	3	1.3.01	Biên bản xét duyệt quyết toán tài chính năm 2020; Dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 của Trường
12			1.3.02	Thông báo về việc Triển khai thực hiện dự toán thu chi năm 2021
13			1.3.03	Quy chế Chi tiêu nội bộ
14			1.3.04	Báo cáo thu chi tài chính năm học
15			1.3.05	Báo cáo, biên bản thanh, kiểm tra về công tác đào tạo
16	2	1	2.1.01	Kế hoạch tuyển sinh hàng năm 2018, 2019, 2020, 2021
17			2.1.02	Thông báo Tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
18			2.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh, thành lập các tiểu ban - Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
19			2.1.04	Hồ sơ đăng ký học 2018, 2019, 2020, 2021
20			2.1.05	Tiêu chuẩn trúng Tuyển 2018, 2019, 2020, 2021
21			2.1.06	Quyết định và danh sách trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020, 2021
22			2.1.07	Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
23			2.1.08	Danh sách nhập học 2018, 2019, 2020, 2021
24			2.1.9	Quyết định phân lớp 2018, 2019, 2020, 2021
25			2.1.10	Báo cáo công tác của Ban thanh tra nhân dân năm 2018, 2019, 2020, 2021
26	2	2	2.2.01	Kế hoạch, tiến độ đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

27			2.2.02		Kế hoạch giáo viên của Khoa Điện tử - Điện lạnh 2018, 2019, 2020, 2021
28			2.2.03		Sổ lên lớp, giáo án, sổ tay giáo viên, lịch giảng dạy 2018, 2019, 2020, 2021
29	2	3		2.2.01	Kế hoạch, tiến độ đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
30				2.2.02	Kế hoạch giáo viên của Khoa Điện tử - Điện lạnh 2018, 2019, 2020, 2021
31				2.2.03	Sổ lên lớp, giáo án, sổ tay giáo viên, lịch giảng dạy 2018, 2019, 2020, 2021
32			2.3.02		Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các MH/ MĐ của CTĐT; Bảng điểm môn học, mô đun
33			2.3.03		Phần mềm mô phỏng thực hành, Các slide bài giảng của từng môn học, mô đun
34	2	4	2.4.01		Hợp đồng, biên bản ghi nhớ với doanh nghiệp 2018, 2019, 2020, 2021
35			2.4.02		Kế hoạch thực tập 2018, 2019, 2020, 2021
36			2.4.03		Quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp 2018, 2019, 2020, 2021
37			2.4.04		Quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp bao gồm có giáo viên đi hướng dẫn 2018, 2019, 2020, 2021
38			2.4.05		Đề cương thực hành tại doanh nghiệp 2018, 2019, 2020, 2021
39			2.4.06		Bảng điểm mô đun thực tập 2018, 2019, 2020, 2021
40			2.5.07		Sổ quản lý thực tập năm 2018, 2019, 2020, 2021
41			2.4.08		Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động
42	2	5	2.5.01		Quyết định ban hành quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp
43			2.5.02		- Quyết định số 362/QĐ-CĐNKTCN, ban hành quy định tạm thời về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/ MĐ, - Quy trình ra đề và quản lý in sao đề
44			2.5.03		Hồ sơ thi tốt nghiệp
45			2.5.04		Biên bản giám sát thi tốt nghiệp

46			2.5.05	Báo cáo kết quả công tác rà soát thực hiện các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.
47			2.5.05	Báo cáo kết quả tốt nghiệp Bộ LĐTBXH
48	2	6	2.6.01	Điều lệ trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ
49			2.6.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Kỹ thuật công nghệ
50			2.6.03	Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm
51			2.2.04	Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học
52			2.6.05	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm,
53			2.6.06	Các biên bản kiểm tra học kỳ I, học kỳ II, Biên bản kiểm tra Sổ lên lớp, Biên bản kiểm tra đột xuất giờ giảng của giáo viên
54	2	7	2.7.01	Thông báo tuyển sinh hệ dài hạn và liên thông;
55			2.7.02	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ thực hiện, kế hoạch giảng dạy, Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án các năm học
56			2.7.03	Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của cơ sở đào tạo
57			2.7.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với những ngành, nghề trường đào tạo liên thông ở trình độ tương ứng
58			2.7.05	Chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
59	3	1	3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
60			3.1.02	Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên của khoa/ngành, Hồ sơ cá nhân
61			3.1.03	Hồ sơ quản lý giáo viên

62	3	2		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
63			3.2.01		Danh sách trích ngang của nhà giáo về trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề của đội ngũ nhà giáo được phân công giảng dạy theo từng môn học, mô-đun
64			3.2.02		Kết quả phân loại công chức, viên chức và người lao động
65			3.2.03		Báo cáo tổng kết năm học
66	3	3		3.2.01	Danh sách trích ngang của nhà giáo về trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề của đội ngũ nhà giáo được phân công giảng dạy theo từng môn học, mô-đun
67			3.3.01		Quy chế nhà giáo
68			3.3.02		Kế hoạch đào tạo
69			3.3.03		Kế hoạch phân công giáo viên và tiến độ đào tạo
70			3.3.04		Sổ tay giáo viên
71			3.3.05		Bảng thống kê giờ giảng năm học
72			3.3.06		Bảng thanh toán lương
73			3.08		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm
74			3.3.09		Quyết định phân công quản lý trang thiết bị nhà xưởng
75			3.3.10		Báo cáo khai giảng
76			3.3.11		Biên bản thanh kiểm tra công tác đào tạo
77	3	4			
78	3	5	3.5.01		Kế hoạch học tập bồi dưỡng của nhà giáo
79			3.5.02		Quyết định cử giáo viên tham gia học tập
80			3.5.03		Tài liệu học tập

81			3.5.04		Báo cáo kết quả khóa học
82	3	6		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
83			3.6.01		Quyết định cử giáo viên xâm nhập thực tế tại Doanh nghiệp
84			3.6.02		Quyết định cử giáo viên tham gia học tập tại Doanh nghiệp
85			3.6.03		Đề cương học tập tại Doanh nghiệp
86			3.6.04		Báo cáo kết quả học tập tại Doanh nghiệp
87	3	7		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
88			3.7.01		Kết quả phân loại công chức, viên chức và người lao động
89				3.2.04	Báo cáo tổng kết năm học
90	3	8		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
91			3.8.01		Kết quả phân loại công chức, viên chức và người lao động
92				3.2.04	Báo cáo tổng kết năm học
93	4	1	4.1.01		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT
94			4.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT
95			4.1.03		Các biên bản trong quá trình biên soạn/ lựa chọn, thẩm định CTĐT
96			4.1.04		Quyết định ban hành/ lựa chọn CTĐT
97	4	2	4.2.01		Quyết định thành lập Ban xây dựng chương trình
98			4.2.02		Danh sách cán bộ khoa học kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia xây dựng chương trình dạy nghề
99			4.2.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT
100			4.2.04		Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định CTĐT

101			4.2.05		Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT
102	4	3		1.1.01	Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
103			4.3.01		Danh sách cán bộ khoa học kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia xây dựng chương trình dạy nghề
104	4	4		1.1.01	Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
105	4	5		1.1.01	Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
106	4	6		1.1.01	Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNCTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
107	4	7		1.1.01	Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa

				không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
108	4	8	1.1.01	Quyết định số 344/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Quyết định Số 215/QĐ-CĐNTCN ngày 07/10/2020 ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – Chương trình kèm theo
109	4	9	4.9.01	Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT
110			4.9.02	.Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT
111			4.9.03	Quyết định Số 248a/QĐ-CĐNKTCN ngày 17/9/2019 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về việc ban hành giáo trình – Giáo trình kèm;- Thống kê giáo trình các mô-đun, môn học theo chương trình dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp;
112			4.9.04	Danh mục các giáo trình được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và học tập
113	4	10	4.10.01	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình của Hiệu trưởng Trường CĐNKTCN
114			4.10.02	Danh sách thống kê giáo trình được lựa chọn cho từng môn học của các chương trình đào tạo
115			4.10.03	Biên bản lựa chọn giáo trình, tài liệu học tập của các khoa
116			4.10.04	Quyết định ban hành giáo trình lưu hành nội bộ
117			4.10.05	Thống kê Danh mục các giáo trình của nhà trường Giáo trình kèm theo
118	4	11	4.9.03	Quyết định ban hành giáo trình lưu hành nội bộ – Giáo trình kèm theo;- Thống kê giáo trình các mô-đun, môn học theo chương trình dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp;

119			4.11.01		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình của Hiệu trưởng Trường CĐNKTCN
120			4.11.02		Thống kê Danh mục các giáo trình của nhà trường
121	4	12		4.9.03	Quyết định ban hành giáo trình lưu hành nội bộ – Giáo trình kèm theo;- Thống kê giáo trình các mu-đun, môn học theo chương trình dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp;
122	5	1	5.1.01		Bảng quy hoạch tổng thể mặt bằng trường khu A và khu B
123			5.1.02		Thống kê số lượng phòng học và diện tích các công trình phục vụ đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2018, 2019, 2020, 2021; 5.1.03 - Bản thiết kế các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành
124			5.1.03		Thẻ tài sản tại Khoa Điện tử - Điện lạnh
125	5	2	5.2.01		Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020, 2021
126			5.2.02		Danh mục thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đầu tư năm 2018, 2019, 2020, 2021
127				5.2.03	Báo cáo theo dõi tài sản cố định
128			5.2.03		Biên bản kiểm kê tài sản
129	5	3		5.2.01	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020, 2021
130				5.2.03	Báo cáo theo dõi tài sản cố định
131	5	4	5.4.01		Các Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị tại xưởng thực hành
132			5.4.02		Các Sơ đồ lắp đặt máy và đường điện trong xưởng thực hành
133	5	5	5.5.01		Định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu
134			5.5.02		Quy định cấp phát vật tư
135			5.5.03		Nhu cầu cung cấp vật tư
136	5	6	5.6.01		Quy định chức năng, nhiệm vụ của thư viện

137			5.6.02		Bản kê sách và tài liệu tham khảo
138			5.6.03		Danh mục, số lượng giáo trình tại thư viện
139			5.6.04		Bảng tra cứu tài liệu; Phích mô tả
140			5.6.05		Danh mục giáo trình các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo
141	5	7	5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
142	5	8			
143	6	1	6.1.01		Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị
144			6.1.02		Kế hoạch đón tiếp học sinh, sinh viên nhập học; Nội dung chương trình giáo dục đầu khóa năm 2018, 2019, 2020, 2021
145			6.1.03		Bài thu hoạch của học sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
146				1.1.06	http://www.httc.edu.vn
147	6	2	6.2.01		Hướng dẫn chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021
148			6.2.02		Quyết định về việc miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021
149			6.2.03		Quyết định về cấp học bổng và phần thưởng khuyến khích học nghề, khen thưởng đối với học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021
150			6.2.04		Sổ theo dõi xác nhận giấy tờ của học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020, 2021
151	6	3	6.3.01		Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp;
152			6.3.02		Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp
153			6.3.03		Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm

154			6.3.04	Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
155			6.3.05	Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp;
156			6.3.06	Báo cáo tổng kết năm học Phòng QHDN, Phòng CTHS năm 2018, 2019, 2020, 2021
157			6.3.07	Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2018, 2019, 2020, 2021
158			6.3.08	Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2018, 2019, 2020, 2021
159			6.3.09	Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp; Phòng Công tác HSSV
160	6	4	6.4.01	Kế hoạch tổ chức các hoạt động thể thao năm 2018, 2019, 2020, 2021
161			6.4.02	Kế hoạch thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam;
162	7	1	7.1.01	Kế hoạch thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
163			7.1.02	Danh sách doanh nghiệp khảo sát năm 2018, 2019, 2020, 2021
164			7.1.03	Phiếu khảo sát HSSV làm việc tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
165			7.1.04	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
166	7	2	7.2.01	Kế hoạch điều tra lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp
167			7.2.02	Bảng khảo sát thông tin việc làm sau khi tốt nghiệp
168	7	3	7.3.01	Kế hoạch thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ
169			7.3.02	Danh sách thu thập ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động 2018, 2019, 2020, 2021
170			7.3.03	Phiếu khảo sát ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020, 2021
171			7.3.04	Báo cáo khảo sát ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020, 2021
172	7	4	7.4.01	Danh sách HSSV đang học tại trường

173			7.4.02	Danh sách HSSV khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021
174			7.4.03	Kế hoạch khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021
175			7.4.04	Phiếu khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021
176			7.4.05	Báo cáo khảo sát về hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo năm 2018, 2019, 2020, 2021
177	7	5	7.5.01	Quyết định thành lập ban xây dựng chương trình dạy nghề
178			7.5.02	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung chương trình dạy nghề năm 2018, 2019, 2020, 2021
179			7.5.03	Báo cáo rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề cần điều chỉnh theo kế hoạch năm 2018, 2019, 2020, 2021
180			7.5.04	Quyết định ban hành chương trình dạy nghề, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí- Chương trình kèm theo
181	7	6	7.6.01	Kế hoạch áp dụng phương pháp dạy học tích cực
182			7.6.02	Hồ sơ bài giảng của giáo viên khoa ĐT-ĐL năm 2018, 2019, 2020, 2021
183	7	7	7.7.01	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
184			7.7.02	Kế hoạch khảo sát HSSV tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
185			7.7.03	Phiếu khảo sát HSSV sau tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
186			7.7.04	Thông tin việc làm của HSSV đã tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019, 2020
187			7.7.05	Báo cáo khảo sát HSSV sau tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
188	7	8	7.8.01	Kế hoạch thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
189			7.8.02	Danh sách doanh nghiệp khảo sát năm 2018, 2019, 2020, 2021

190			7.8.03		Phiếu khảo sát HSSV làm việc tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021
191			7.8.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến của doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 2021

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TBXH HN (để b/c);
- Bộ LĐTBXH (để b/c);
- Lưu ...

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022

TM. HĐ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG



Đặng An Bình